

Thích Nữ Thuần Quán

Tranh Chăn Trâu Ngẫu Hứng



Hội Thiền Học Việt Nam
Vietnamese Buddhist Meditation Congregation

Phần Giới Thiệu

Bài viết chỉ là cảm xúc trong tu tập, không mang tính rộng rãi phổ biến hoặc nghiên cứu hay giảng giải, nên trong phạm vi giới hạn này, có thể nói hợp tình hơn là hợp lý.

Tôi cảm xúc với công việc “chăn trâu” của chính mình, dù sao nó vẫn là bốn phận chính yếu của người tu, tôi muốn ghi lại đơn giản, trước là cho chính tôi như lời nhủ thầm, kế là cho các bạn đồng tu, công việc hữu hạn này, tôi dùng nó như lời tri ân bậc Ân Sư dày công un đúc, cha mẹ sanh thành, thí chủ nuôi dưỡng, quốc gia khó khăn.

Việc làm này dù hạn hẹp, nhưng dẫu sao tôi cũng bày tỏ được phần nào tâm huyết với Phật pháp, một chút lòng với bạn hữu, và hết cả tấm lòng với chính tôi.

Với khả năng giới hạn, trí hiểu biết thì sơ xài, khó tránh khỏi thiếu sót vụng về, ngưỡng nguyện các bậc cao minh phủ chính.

Khấp nguyện chánh pháp trường tồn, đèn tuệ sáng soi, cứu độ đêm dài tăm tối.

Thuần Quán
Viết mùa đông 2010

LỜI NGỎ

Mỗi sáng thức dậy, cô công chúa ngây thơ đứng lặng người nơi vườn thượng uyển của vua cha, cô say sưa ngắm nhìn những hạt sương long lanh, mơ màng một xâu chuỗi ngọc bằng những giọt nước tinh khiết của buổi sớm vũ trụ.

Là công chúa, cô đâu thể chấp nhận chỉ là giấc mơ, đòi vua cha, bằng mọi cách cô phải sở hữu một chuỗi ngọc bằng hạt nước.

Bảng niêm yết đã pha màu mưa nắng, điều mà thiên biến vạn hóa cũng không sao thực hiện nổi, công chúa ngọc ngà không còn màng đến mọi thứ trên đời, vua cha như đứng ngồi trên lửa.

Bỗng một cụ già tóc trắng như mây xuất hiện: “Thưa công nương già này có thể giúp cô mãn nguyện, nhưng lại ngặt vì đôi mắt hom hem, vậy muốn xâu được, tôi nhờ cô nhặt từng hạt nước, tôi sẽ xâu thành chuỗi cho cô.”

Từng hạt nước phủ phàng vượt khỏi tầm tay, thời gian trôi nhanh quá, ông mặt trời đã thức dậy, cô công chúa khóc oà giận dữ.

Ôi giấc mơ trần thế! những giọt nước mong manh ấy, nắm bắt còn chưa được huống là thành chuỗi. Rõ là đầu bò!

Cho đến khi u đầu sứt trán, ta mới vỡ lẽ, đầu bò đó là ta.

Nhưng cũng hay cho những đau thương tan tác cùng đường, nếu ai đó hữu duyên với Phật pháp lại là thế lợi tiên phong. Ánh sáng giác ngộ đánh thức giấc ngủ triền miên và hành trình tìm đạo tìm tâm diệu kỳ phát khởi; Tìm trâu là thuật ngữ riêng của mười bức họa chăn trâu vậy.

Người ta bảo - Thời đại này chúng ta cần biết càng nhiều càng hay sẽ giúp chúng ta trên mọi lãnh vực khi cần thiết, năm châu bốn bể, trên trời dưới đất, du lịch chiêm bái, đi ra cho thấy mặt trời mặt trăng.

Tôi, kẻ phản bội thời đại, “Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ”, làm người quê mùa - CHẶN TRÂU.

Thiền Sư Thạch Củng, một hôm đang làm việc ở nhà bếp, Mã Tổ đi xuống thấy hỏi:

- Làm việc gì?

Sư thưa:

- Chặn trâu.

- Làm sao chặn?

- Một khi vào cỏ, bèn nắm mũi kéo lại.

Mã Tổ bảo:

- Con thật chặn trâu.

Chặn trâu là nét đặc trưng của nhà Thiền mà chúng ta sẽ không thấy ở những nơi tu tập khác, cũng là ấn tượng đầu tiên khi tôi mới vào Thiền Viện, đã làm tôi không ít ngạc nhiên. Tại sao không treo hình Phật hoặc Bồ tát hay Thánh chúng mà lại treo hình súc vật, ý nghĩa thế nào tôi không sao mừng tượng nổi hướng là hiểu, tuy vậy tôi lại đặc biệt thích thú, một tác động với tôi thật lớn. Đạo Phật vượt ngoài niềm tin tín ngưỡng không chỉ tôn sùng đáng tởi thượng, mà là việc làm của tự chính mình, “chặn trâu” có giỏi hay không là quyền quyết định của mỗi người.

Sau cùng, những gì khác lạ bình thường càng hấp dẫn tôi đến với nhà Thiền, Thiền Sư khi có người đến hỏi đạo, không đáp bằng kinh điển, như hỏi thế nào là Phật? Đáp:

Trên đầu thêm đầu. Thậm chí có khi không đáp mà đánh hay hét. Lời nói các Ngài không có một nguyên tắc nào nhất định, như hỏi: con chó có Phật tánh hay không? Ngài Triệu Châu đáp có; Lại người khác đến cũng hỏi câu ấy Ngài đáp không.

Lạ thay ! chính nhờ những kỳ quái ấy đã giúp tôi đi tiếp đoạn đường còn lại như huyền sử, âu cũng là phúc duyên vậy.

TÁC GIẢ

Chư Thiên đức đến đi không để lại dấu vết, tin hay không, các Ngài chẳng quan ngại, hữu duyên thì thành kính, còn vô duyên “đối diện bất tương phùng” đòi chứng cứ sử liệu, e thiệt thòi là phần người thiếu duyên.

Và vì thế, tác giả và tác phẩm không biết ra đời vào niên đại nào, chỉ thấy Ngài Quách Am là vị Thiên Sư đời Tống.

Thiên tông phát triển rực rỡ vào thời Tống, vậy mười bức họa chăn trâu là sản phẩm của thời đại vàng son này, có thể tin cậy được chăng?

Mười bức họa chăn trâu dọc theo suốt thời kỳ hoàn chỉnh, tác giả không phải một lại là điều kỳ thú cho tác phẩm.

1. Thiên Sư Thanh Cư:

Đầu tiên Ngài Thanh Cư chỉ vẽ đến vòng tròn là tám bức, vì đến đây đã tột đạo lý. “Một niệm không sanh tức như như Phật”. Là chỗ Ngài Huệ Khả thưa: “Tâm con đã

bật hết các duyên”; Ngài Phù Dung thì “Gặp thính gặp sắc như trồng hoa trên đá”; hoặc “Nghe tiếng thấy sắc thấy đều tầm thường” của Tổ Quy Sơn; Tình không gá vật, thân tâm nhất như đã là diệu lý.

Và ngay câu “Rõ ràng thường biết làm sao không được“ của Ngài Huệ Khả đã là phôi thai cho bức họa thứ 9.

2. Thiền Sư Tác Công:

Vòng tròn đã là diệu lý, năng sở đều quên, không còn trâu không còn người. Nếu tu đến chỗ không còn gì thì phí công quá !? Tu rồi thành hư không chẳng?

Vì thế, Ngài Tác Công sợ người không hiểu nên vẽ thêm bức số 9 là ”Nước tự mệnh mộng hoa tự hồng” cũng là “Núi sông là núi sông” của Ngài Duy Tín; “Cây gậy chỉ là cây gậy” của Ngài Vân Môn, mỗi pháp như thế là như thế, không có tình chấp phân biệt chứ không phải không ngờ, là chỗ “Rõ ràng thường biết nói không thể đến” của Nhị Tổ.

3. Ngài Từ Viễn:

Ngài Từ Viễn sản sinh bức thứ 10, vì thấy rằng, sau khi hoàn tất phương trình tu tập, hành giả không thể hưởng vui một mình, khi còn biết bao người cần được độ, vì thế phải vào trần lao, hòa ánh sáng với bụi bặm, dẫn dắt giáo hóa chúng sanh như Ngài Anan nói: “Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, con nguyện không hưởng vui Niết bàn” mới tròn bản nguyện.

Và lời tựa của Ngài Quách Am - Trong tự điển Phật học có thấy Thiền sư Quách Am Viễn, vậy Quách Am và

Từ Viễn là hai hay chẳng hai?

Chư Thiên đức vượt khỏi thường tình, đem thức tình đo lường thừa không sao hiểu nổi, các Ngài tu như không tu, có vị thấy như không giữ giới, có vị không ở trong tông lâm, chẳng theo quy củ phép tắc thiên môn, những gì khiến các Ngài có sức tự tại như vậy, phải là người trong cảnh mới biết.

So ra chúng ta tu kỹ hơn nhiều, ăn chay, giữ giới, tụng kinh, ngồi thiền, lễ lạy tụng bưng, ấy sao phiền não như dây hơn, càng tu càng trói buộc, hơn thua phải quấy đúng sai như rừng rậm!

Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật ví dụ: “Nhu người bệnh nhắm mắt, nhìn thấy trong hư không có hoa đốm lãng xăng; hư không vốn không hoa luống thấy có hoa, hoa cũng chẳng từ mắt sanh, khi hết bệnh mắt, hoa kia tự trừ chẳng thấy có sanh diệt có đến đi”.

Chỉ cần biết hư không vốn không hoa liền xong!
Không trải qua số kiếp tu hành.

TÁC PHẨM

Tranh chăn trâu là sản phẩm tinh túy của chư Thiên Sư, bởi thế chúng ta sẽ không tìm thấy trong kinh điển. Tuy vậy nhưng cũng không ngoài bản ý Đức Phật, Kinh Di Giáo đoạn “Đối trị khổ vọng” có nói: “Tỳ kheo các ông! Đã có thể an trụ trong giới rồi, phải kèm chế năm căn chớ để buông lung vào trong ngũ dục. Thí như người chăn trâu, cầm roi nhìn nó, chẳng cho tuông rông phạm nhằm lúa mạ người”. Vậy thì, người muốn đạt đạo đều phải chăn giữ

tâm mình, chần giữ tâm là bồn phận người muốn tiến đạo.

Hình ảnh chần trâu tượng trưng quá trình tu tập từ phạm phu đến quả vị Thánh nhân. Con trâu là chân hay vọng không thể xác quyết, bởi sự giới hạn của ngôn ngữ và hình ảnh không đủ sức chuyên chở chân lý. Hay thay! Một mảy tình phạm chẳng lập thì chân hay vọng chỉ tạm nói mà thôi.

a. Con trâu tượng trưng vọng tâm:

Thiền Sư Đại An: “Ta ở núi Quy 30 năm, ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy mà không học Thiền núi Quy, chỉ coi chừng một con trâu, nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ liền lôi nó lại, nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó...” như vậy trâu đây là vọng tâm, nên chúng ta thấy tranh số 4 hình ảnh chú mục đồng cầm roi quất trâu.

Con trâu biểu tượng sự lì lợm, ngu tối, khó bảo, chúng ta hay nghe nói “Lì như trâu, ngu như trâu...” Như khi ta đang nổi sân có người khuyên đừng sân ta đâu có nghe, hoặc đang dính mắc sáu trần bảo đừng dính cũng đâu phải dễ.

Thiết nghĩ, chư Thiền Sư dùng hình ảnh quá thông minh và linh động. Vọng tưởng cũng lì lợm ngu tối như súc vật, như chúng ta thấy con trâu thích nằm chỗ vũng bùn dơ bẩn, cũng thế, vọng tưởng hoặc sân hận đâu hay ho gì, mọi người đều không thích, đều chê bai, đều tránh xa, thế mà cứ sâm phạm, vậy bảo không ngu như trâu là gì !

Như vậy, con trâu ở tranh số 4 chúng ta thấy mục đồng cầm roi quất, số 5 mục đồng dẫn trâu, số 6 cỡi trâu, số 7 mất trâu. Vậy mục đồng ở những bức này là chân tâm, trâu là vọng tâm.

b. Trâu là chân tâm:

Bức thứ nhất là tìm trâu, số hai là thấy dấu, số ba là thấy trâu; trâu đây là chân tâm nên mới đi tìm và thấy, Ngài Đại An nói: “Sờ sờ đuổi không đi” tức là chân tâm.

Thế nhưng Ngài Đạo Ngô trả lời Sùng Tín là “Chỉ sạch tình phàm chứ không có thánh giải khác”. Nghĩa là sạch hết vọng tưởng chứ không có cái hiểu thánh. Rất đúng, hễ còn cái hiểu thánh tức còn một vật, mà Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật”, còn một vật tức sai đáp số rồi, như vậy chân tâm cũng là tạm nói mà thôi.

Có vọng mới nói chân, có phàm mới lập thánh, nghĩa là hết bệnh mắt thì hết hoa đốm, nếu cho hoa đốm là thánh thần gì đó tức bệnh mắt chưa hết.

Đạo lý quả là vượt thường tình, chỉ người kinh nghiệm mới có thể hiểu, còn bàn luận thì không thể nào thấu suốt được.

Chính vì thế, đến bức số 8 là vòng tròn, trống không, Kinh Lăng Nghiêm Phật nói “Nếu có cái hiểu thánh tức rơi vào đường tà”, vậy là đúng đáp án rồi.

Cuối cùng chân tâm cũng giả lập! như vậy mới gọi là giải thoát, chứ còn một cái thì kẹt một cái, như Ngài Hoàng Bá nói "một hạt bụi chẻ ra một trăm phần chín mươi chín phần là không một phần có vẫn chưa phải".

c. Những điểm sai khác của tranh Thiên tông và Đại thừa:

Tranh Đại thừa:

- Vòng tròn ở bức số mười.
- Con trâu ban đầu đen, rồi trắng dần dần, đến toàn trắng.

Tranh Thiền tông:

- Vòng tròn ở bức số tám.
- Trâu toàn đen, không có trắng dần dần, biểu hiện lý nhất thể, “nơi Thánh không tăng nơi phàm không giảm”.
- Thêm hai bức, số 9 là trở về nguồn cội, số 10 là thông tay vào chợ, hay nói nhập phật giới hay vào ma giới.

CHƯA CHẶN

Chưa chặn là chưa giác, chưa giác tức chưa tu.

“Nếu là người tác gia đủ mắt, cần phải sớm gấp hồi quang, chuyển thân nhảy khỏi vòng sanh tử, khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân. Dù là nam hay nữ thầy đều tu được, dấu rằng trí hay ngu trọn đều có phần...”

Trên là lời của vua Trần Thái Tông. Tôi khâm phục quá! Việc nước việc nhà, cung phi mỹ nữ, sắc đẹp tiếng hay không làm mờ ánh sáng trí tuệ. Đối với ông vua sáu trần ngũ dục lúc nào cũng đầy đủ, so ra chúng ta chẳng là gì nhưng tại sao cứ tại cái này bị cái nọ làm chướng ngại?!

Tác gia đủ mắt: chỉ cho người có trí tuệ lớn, trí tuệ vượt khỏi trần lao, vẫn ở trong thế gian, nhưng không chìm đắm dục lạc.

Sớm gấp hồi quang: Hồi quang là xoay ánh sáng trở lại chính mình. Có câu chuyện như sau:

Ngài Đạo Văn hỏi Thiền Sư Chân Quán:

- Kinh Pháp Hoa nói “Tình với vô tình đồng thành Phật đạo”, nghĩa là cỏ cây hoa lá đều thành Phật. Xin hỏi:

Cỏ hoa thật có khả năng thành Phật chăng?

Thiền Sư Chân Quán liền bảo:

- Ông nên hỏi “Tự chính mình thế nào thành Phật”, cần xét nghĩ như thế mới đúng.

Thưa nghĩa hồi quang là như thế, thay vì phóng ra thắc mắc, nạn vấn thế này thế kia không cần thiết, mà hãy xoay lại nơi chính mình.

Sớm gấp hồi quang là mau chóng xoay đầu trở lại, tức là hãy sớm thức tỉnh, đừng lao theo những thói quen tiêu cực.

Nhảy khỏi vòng sanh tử: Làm sao nhảy? Nhảy bằng cách nào? Nhảy khỏi rồi ở đâu đi đâu? Nói cách khác là giải thoát sanh tử, rồi đi đâu? Ở đâu? Câu hỏi thật mâu thuẫn đã gọi là giải thoát mà còn hỏi chỗ nơi.

Chữ giải thoát là cởi mở buộc ràng, căn và trần không dính nhau là giải thoát, nghĩa là vẫn ở trong sanh tử mà không bị nghiệp chi phối, đến đi tự do, chứ không phải giải thoát rồi mất hết, nếu nói hết là việc hết, cái chân thật thì không mất.

Hãy can đảm mạnh mẽ một nhảy liền ra khỏi, sao chúng ta không cùng nhau làm người mạnh mẽ như vậy, đó mới là trượng phu, trượng phu là con người can đảm không dính mắc sáu trần, ngũ dục. Ví dụ nghe trái ý thì nổi sân, nay can đảm nhảy ra khỏi cơn sân, đối với những ưa thích nhảy ra đừng dấn mền! Ấy mới là trượng phu.

Khoảng khảy tay cắt đứt lưới ái ân: một cái búng tay liền cắt đứt ái ân, nó là đầu mối bao khổ lụy, như con thiêu thân, thấy ánh sáng liền lao vào dù biết sẽ chết, nên có người nói: “Vui một chút sâu thiên thu”.

Dù nam hay nữ, trí hay ngu trọn đều có phần: Có

phần là phần gì? Kinh Hoa Nghiêm ghi lại rằng: “Khi Thế Tôn vừa thấy sao mai mọc, Ngài liền thành chánh giác, cảm than rằng: Lạ thay! Có tâm là có Phật, chỉ vì chúng sanh có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, nhưng đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng được”.

Thật đơn giản làm sao! Chỉ do một chút vọng tưởng chấp trước mà trái đạo, vậy thì cứ ngay một chút vọng tưởng đó mà tiến. Chỉ vì mình tự cô phụ chính mình, nếu vậy thì đáng tiếc một đời qua sông.

Chúng ta như ánh sáng đom đóm lập lòe yếu ớt, sao không như ông vua nhà Trần, một lần chạm trán liền nhảy khỏi vòng không nuôi tiếc, nhà Thiền có câu “Giết người không ngó lại” hãy mạnh mẽ đi vậy!

Thiền Sư Quy Sơn có đoạn: “Một mai bệnh nằm trên giường, mọi thứ đau đớn doanh vầy bức bách. Sớm tối lo nghĩ, trong lòng lo sợ bồi hồi. Đường trước mặt mờ chưa biết về đâu, bây giờ hối hận ăn năn, đợi khát nước mới đào giếng sao kịp”.

Khi khoẻ mạnh thì buông lòng mặc tình thả ý, tâm hành thỏa thích hả hê, gây thù kết oán, tạo nghiệp oan trái, đâu biết thời giờ không hẹn, đến khi bệnh nặng trầm kha, đau đớn dường thể oán thù, hối tiếc thời gian đã qua, hối hận cũng không kịp, đợi đến khát nước mới bắt đầu đào giếng! Biết làm sao đây.

Tự mình không lo tu, đợi chết Phật đến rước, giả sử Phật có đến chúng ta cũng không thấy, ví dụ chúng ta bình thường kết thân với ai, thì hay cùng đi với người đó, giống như người mình không thích thì mình không muốn gặp mặt, bình thường Phật pháp không quan tâm, chết đòi Phật rước, thật là trễ thơ!

“Không làm các việc ác
 Hãy làm các việc lành
 Giữ tâm ý thanh tịnh
 Ấy lời chư Phật dạy“

Làm lành, tránh ác, tiến xa hơn nữa là phải giữ tâm thanh tịnh mới đủ ý nghĩa Phật dạy, nhưng điều này ít được quan tâm nên Thiền Sư Ô Sào trả lời ông quan Bạch cư Dị, khi ông hỏi: “Tôi làm quan bận rộn, xin Hòa thượng hãy tóm lược đại ý phật pháp thật ngắn gọn cho tôi nghe”. Thiền Sư đọc bài kệ trên, Bạch cư Dị bèn nói: “Tương gì, bài kệ đó đưa bé tám tuổi cũng thuộc.” Thiền Sư Ô Sào nói: “Đưa bé tám tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi làm chưa xong.”

Vậy chúng ta hãy bắt đầu chu trình “Giữ tâm ý thanh tịnh.“

KHÁI QUÁT TOÀN TÁC PHẨM

1. Tranh chăn trâu Thiền Tông, là hình vẽ phác họa tiến trình tu tập hành giả tu Thiền, nói tu Thiền nhưng chúng ta không thấy hình ảnh ngồi thiền hoặc tụng kinh lễ lạy, tại sao? Cần nêu lên để thấy rõ trọng tâm tu tập và giá trị đích thật của Đạo, trong đây không có ý bác bỏ hay phản đối vì đó là sự kém cỏi của tà kiến thiên lệch thiên cận.

Ngài Lâm Tế nói: “Làm công phu bên ngoài thấy là kẻ si, dù cho ngày ăn một bữa, thường ngồi chằng năm, sáu thời hành đạo vẫn là người tạo nghiệp; hoặc đem đầu, mắt, tuỷ, não, vợ con, đất nước, voi ngựa bảy báu hoàn toàn thí xả chỉ đều làm khổ thân tâm, đầu bằng thuận nhất vô tạp”.

Ông Vương Thường Thị đến thăm tặng chúng và hỏi:

- Tặng cả nhà này có xem kinh chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng xem.

Thị hỏi:

- Lại học Thiền chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng học Thiền.

Thị hỏi:

- Kinh đã chẳng xem, Thiền lại chẳng học, cứu cánh là gì?

Sư đáp:

- Thầy dạy y làm Phật làm Tổ.

Cũng là chỗ Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Bồ Đề Đạt

Ma:

- Trẫm một đời cất chùa độ tăng được công đức gì?

Tổ đáp:

- Toàn không công đức.

Hễ nầu cát dù ngàn năm vẫn là cát, dù thời gian và công sức bỏ ra rất nhiều, đã không phải là nhân giác ngộ thì ngàn đời vẫn không giác ngộ, hễ không giác ngộ thì vẫn loanh quanh ở bức tranh số một và hai, phải vào được bức tranh số ba mới có thể gọi là thấp được, mới được ngọn đèn trí tuệ giác ngộ, từ đây tu tập mới có chánh kiến.

Vậy công phu chính yếu là đến chỗ thuần nhất không còn tạp loạn, như giặc vào nhà trồng, chẳng có gì để lấy, hình thức nghi lễ chỉ là phần nhỏ, tùy duyên không nhất

định.

2. Theo trong kinh giải thích:

- Từ mới phát tâm, đến thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, đây gọi là hàng Tam Hiền trải qua vô số kiếp thứ nhất.

- Từ sơ địa đến bát địa là vô số kiếp thứ hai.

Bồ tát sơ địa là đã thấy được một phần pháp thân, phá được một phần vô minh thì được một phần giác ngộ, nên Bồ tát gọi là phần giác. Tương đương với nhà Thiền gọi là kiến tánh là nhận ra nơi mình có tánh giác.

- Từ Bát địa đến Diệu Giác là trải qua vô số kiếp thứ ba, hoàn tất phương trình tu tập gọi chung là Tam Hiền Thập Thánh, như vàng đã tinh luyện không thể trở lại thành quặng, không như Ngài Phú Lô Na hỏi Phật: “Đã thành Phật bao giờ trở lại làm chúng sanh”.

Căn cứ theo giải thích trên thì tranh số một và hai là thời gian của vô số kiếp thứ nhất, chữ vô số là nói đến thời gian không hạn định, lâu hay mau tùy theo hành giả, có thể là mãi mãi và cũng có thể trong chớp mắt.

Tranh số ba là hành giả đã nhận ra nơi mình có pháp thân bất sanh bất diệt tương đương với Bồ tát Sơ địa, nhà Thiền gọi là kiến tánh là bắt đầu vào dòng Thánh nhưng mới chỉ là thánh thai là phôi thai, vì thế thời gian trưởng dưỡng là tối thiết yếu, nếu không cũng sẽ thối đọa rơi vào đường ma, tuy nhiên, “ Tất cả hàm linh đều có tánh Phật” loanh quanh rồi cũng trở về nguồn cội, vì vốn dĩ “nó là cái sẵn có”.

Vua Hiến Tông hỏi Thiên Sư Phật Chiêu:

- Phật Thích Ca thành đạo là thành cái gì?

Sư đáp:

- Dám bảo bệ hạ đã quên!

Thông thường chúng ta nghe nói từ không thành có từ có thành không, giờ nghe nói thành đạo, chúng ta không nên hiểu theo thói quen, nên ngài Phật Chiêu đánh thức bằng câu nói "Dám bảo bệ hạ đã quên", tức là thành cái đã bị bỏ quên.

Thiên tông đòi hỏi hành giả phải kiến tánh là điều thiết yếu, kiến tánh như ngọn hải đăng, thiếu ngọn hải đăng - như Ngài Huyền Sa nói: “Dù cho thuyết pháp như mây như mưa, như hoa như gấm, phóng quang động địa, chư thiên rải hoa cúng dường, nói không ai hơn, nói tốt hết cũng không có gì dính dáng”. Nghĩa là muốn nhận ra cái chân thật của chính mình mà không qua cửa kiến tánh thì cho dù thế nào đi nữa thì cũng như trên biển cả mênh mông mà không có ngọn hải đăng.

Tóm lại, hễ còn dùng ngôn ngữ còn mượn hình ảnh thì chỉ nói được trong tương đối tạm thời mà thôi. Thấy có con trâu có người chặn đường như có hai, nếu có hai thì thành hai người, nhưng thực tế chỉ là chính mình thôi vậy. Vì vậy hình ảnh chỉ là tượng trưng chứ không phải thật có ranh giới. Nếu nói một cũng không hẳn đúng vì chúng ta luôn thấy nơi mình có hai thể lực đối địch mà tâm trạng cho chúng ta biết như có một sự bất an ray rức, mà đôi khi

chúng ta cảm thấy như thiếu thiếu một cái gì chưa thoả mãn chẳng. Thế nên nói một cũng chẳng được mà hai cũng không xong, nếu nói một thì ra công tu rồi thì cũng chẳng có gì đặc biệt, hoặc tu rồi cũng như không, hoặc tu rồi đến chỗ rỗng không, nhưng thực tế rõ ràng phàm thánh không thể như nhau. Chúng ta có thể hiểu qua hình ảnh cái gương và vật trong gương, gương là chiếu soi, vật trong gương là bị soi, gương và ảnh thật không hai không khác, ảnh cũng chính là gương nhưng gương thì chẳng phải ảnh, chân tâm vọng tâm không thể tách rời thì cũng như thế, vọng tâm không rời chân tâm, nhưng chân tâm thì chẳng phải vọng tâm.

Vậy chúng ta tìm hiểu về tranh chăn trâu, có thể giúp thêm nhận thức cần thiết trong quá trình tu tập như sau:

- Biết được giai đoạn nào khổ công nhất.
- Giai đoạn nào được thanh thoi.
- Và đến đâu gọi là viên mãn.

Khi nắm rõ ràng, chúng ta thêm niềm tin và sức mạnh trong tu tập, tiến hay lùi chúng ta có thể tự biết, không rơi vào lỗi nói quá việc thực hành hay chỉ bắt chước nói theo lời chư Tổ, hơn nữa nói rộng nói suông là việc cần nên tránh. Huống là, trên bản thể thanh tịnh rỗng rang sáng suốt, hễ có bóng tối thì không có ánh sáng thì đâu thể chia năm xẻ bảy trong đó, ví như bậc thượng căn thượng trí thì làm gì có thứ lớp, một bước vào thẳng đất Như Lai.

Thế thì chúng ta tạm học tạm hiểu tạm tu, chớ không được gì không thêm gì, chỉ sạch tình phàm không có thánh

giải.

Trân trọng.



Phần Nội Dung

Tranh Số 1

Tìm trâu



Âm:

Tâm ngư

*Mang mang bắt thảo khít truy tìm
Thủy hoạt sơn diêu lộ cảnh thêm
Lục tận thần bì vô mịch xê
Đản văn phong thụ văn thiên ngâm*

Nghĩa:

Tìm trâu

*Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thẳm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhọc tìm chẳng thấy
Chỉ nghe véo vắt giọng ve sầu*

Tìm Trâu

*Tôi nhớ một thuở đi tìm tìm
Chơi vui hieu quanh giữa tầng không
Phật pháp nơi nao tìm chẳng thấy
Một áng mây ngăn lối trở về*

*Cái thuở còn nhà tranh vách đất, Hòa thượng
tôi cử mỗi tháng từ Thiền Viện Chơn Không về
các Chiếu giảng dạy một lần, tất cả mọi việc từ
ruộng nương cho đến sinh hoạt đời sống đều do Thầy
tôi hướng dẫn. Huỳnh đệ chúng tôi quanh năm cày
cày vãi thiếu ăn, trồng lúa chỉ thấy toàn cỏ, vì tất cả
bọn tôi đều mới rời ghế nhà trường chẳng biết gì về
ruộng nương.*

*Ấy thế mà, không biết thầy tôi đã có một sức
hút nào đã khiến chúng tôi bất chấp gian lao khó khổ,*

trong đó có tôi, xông pha vào cuộc sống mới.

Những khi ấy, niềm vui duy nhất của chúng tôi là được vây quanh lấy Thầy và liu lo đủ mọi chuyện. Tôi hãy còn nhớ một câu chuyện có liên quan đến tôi: Dúy cô thưa “Thưa Thầy, ban đêm ngủ nó mơ và la lên: “Cái tâm ở đâu?” Thầy tôi đã cười thật nhiều. Lạ thay! Tôi không hề hay biết sự việc như thế đã xảy ra. Thế thì, trong vô thức tôi đi tìm tâm. “Tôi đi tìm tâm”, gì là tôi? gì là tâm? Vậy khi nói “tìm tâm”, có gì nhích lý trong đây?

Chư Thiên đức có đi tìm tâm chăng?

Chính biết đi tìm, mới hay xưa nay chẳng mất!



Như chúng ta đã biết, Ngài Anan được gọi là Đa Văn tổng trì, vì bao nhiêu lời Phật nói ra, rót vào tâm Anan như nước từ bình này rót qua bình kia không rót ra ngoài một giọt, vậy phải biết trí thông minh của Ngài thật quá sức tưởng của chúng ta. Ấy vậy mà đến khi Phật nhập Niết Bàn ngài vẫn chưa chứng quả A La Hán. Khi Ngài Ca Diếp làm thượng thủ trong lần đầu kết tập kinh điển gồm năm trăm vị A La Hán, tất cả đều đồng ý để Ngài Anan nói lại những bài pháp của Phật từ thành đạo cho đến khi nhập diệt.

Có ý cho rằng: - khi Thế Tôn thành đạo thì Ngài Anan vừa chào đời cho nên mới có tên là Khánh Hỷ nghĩa là vui mừng. Anan được chọn làm thị giả khi Ngài hai mươi lăm tuổi. Vậy những thời thuyết pháp trở về trước Anan làm gì được nghe, sự việc như thế có gì đáng nghi ngại không?

Trong kinh có kể như vậy: - Khi Thế Tôn có dấu hiệu già yếu, các vị đệ tử lớn có lời đề nghị chọn thị giả để hầu cận Thế Tôn, Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên tình nguyện nhưng Phật đều từ chối, bởi các ông còn già yếu hơn tôi. Cuối cùng đến Ngài Anan thì Phật chấp thuận. Ngài Anan nhận lời với điều kiện - Thế Tôn phải nói lại tất cả những bài kinh mà trước kia Anan chưa được nghe, chính vì vậy, Anan không đánh rơi một giọt nước nào cả!

Nhưng tiếc thay, trong lần kết tập kinh điển này, sư huynh Ca Diếp toàn quyền quyết định không cho Anan được ân huệ ấy, vì Anan chưa chứng quả A La Hán.

Lòng tuyệt vọng, Ngài đơn độc một mình đi thẳng vào núi trong một hang động nọ ngồi thiền suốt đêm, đến quá nửa đêm thân thể đã thấm nhọc nhằn, trong tư thế vừa

nằm xuống thì Ngài chứng quả A La Hán.

Sáng hôm sau, khi năm trăm bậc lậu tận đã họp mặt đầy đủ trong núi Kỳ Xà Quật, chỉ còn thiếu Anan, nhưng kịp lúc Anan cũng vừa đến gõ cửa xin vào, nhưng đại huynh Ca Diếp vẫn lạnh lùng: - Nếu hiền đệ chứng được quả A La Hán thì hãy tự vào cần gì phải mở cửa, và Ngài Anan liền vận thần thông qua được cửa hang.

Đại đức Anan xuất hiện trên bục giảng với lời lẽ, giọng điệu, âm thanh, dung mạo, oai đức khiến cho tất cả trong hội chúng đều ngỡ đó chính là kim thân Thế Tôn!

Chúng ta có gì thắc mắc? Tại sao bao năm đòi mài kính sử vẫn không chứng quả, mà chỉ cần một đêm dùng duyên chiếu soi trở lại liền chứng vô sanh?

Tương tự như trên, hành trạng chư Thiên Sư có Ngài Hương Nghiêm khi đến tham vấn Tổ Quy Sơn.

Ngài Quy Sơn bảo:

- Ta nghe người ở chỗ Tiên Sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tướng là cội gốc sanh tử. Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?

Sư bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về phòng, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: - "Bánh vẽ chẳng no bụng đói". Đến cầu Quy Sơn nói phá, Quy Sơn bảo :

- Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta; ta nói là việc của ta, đâu can hệ gì đến người?

Sư bèn đem những sách vở đã thu thập từ trước đồng thời đốt hết. Sư nói: "Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm Tăng thường làm việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thần". Sư khóc từ giã Quy Sơn ra đi.

Thăng đến Nam Dương chỗ di tích Quốc Sư Huệ Trung, Sư ở tại đây. Một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng, sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội thấp hương nhắm hướng Quy Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: “Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay”.

Như chúng ta hiện nay, nếu có người thông minh lắm thì cũng chỉ học được và thông suốt vài bộ kinh là tối đa, vậy mà Ngài Anan đọc lại hết lời Phật như suối nguồn tuôn chảy, nhưng tại sao không chứng Thánh quả, và Thiền Sư Hương Nghiêm là một giảng sư thông kinh bác luận mà vẫn mờ mịt trước câu hỏi của Tổ Quy Sơn. Thế nên biết, đạo không có trên ngôn ngữ, giấy mực, chữ nghĩa. Trong kinh Viên Giác Đức Phật nói: “Tất cả kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng”. Vẫn biết thế, nhưng hầu hết đều không dám rời NGÓN TAY, có khi còn đem ra lễ lạy từng câu từng chữ, thương cho chúng ta nhọc công vô ích, tu tập nhiều năm tháng mà dường như phiền não vọng tưởng chất chồng theo tháng năm.

Nếu vậy thì đạo ở đâu? Và chúng ta khởi sự đi tìm, tôi cũng không ra ngoài thông lệ ấy, là nạn nhân của cuộc đi tìm, sự thất vọng nào nề không thua không kém cỡ Ngài Hương Nghiêm, một việc vô tình trùng hợp - tôi cũng đã đem tất cả những ghi chép được đốt hết, thề quyết không tu nữa.

Và tranh chăn trâu đã diễn đạt được tâm trạng của hành giả trong từng giai đoạn - Đây là giai đoạn TÌM TÂM bắt đầu.

CHÁNH VĂN:

Từ lâu chẳng mắt đâu cần kiếm tìm

Do trái tính giác trở thành xa cách

Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp

Quê nhà dần xa lối rẽ chợt lầm.

Được mắt đây lên phải quấy đưa nhau khởi

LƯỢC GIẢI:

Như người lạc đường càng đi càng xa và xa mãi. Cũng thế, chúng ta bị sáu trần xỏ mũi lôi đi và đi mãi, nhưng nếu tin chắc đạo ở ngay trước mắt thì dễ quá, chỉ cần dừng lại là xong, thế nhưng cái chữ NGHIỆP của nhà Phật lại không dễ để cách ly nó ra.

NGHIỆP là thói quen, cái nghiệp lang thang, cái nghiệp dong duỗi, cái nghiệp bám víu, cái nghiệp nắm bắt, cái nghiệp dính mắc đã trở thành truyền kiếp, chỉ có thế mà vĩnh kiếp trầm luân. Hễ lang thang thì phiền não tiếp nối, tiếp nối thì luân hồi mãi mãi, hình ảnh ấy chúng ta có thể trên một niệm để hiểu, niệm đầu vừa khởi, nếu không dừng lại thì sẽ đi mãi, ngày này kế tiếp ngày sau, năm này tiếp nối năm kế, kiếp này chưa trả xin hẹn kiếp sau, rất rõ ràng ấy vậy mà một số người bảo Phật nói thuyết luân hồi dường như mơ hồ quá!

Thật ra, nói đi tìm chứ nó đã sờ sờ ra đó rồi, nên kinh Viên Giác Phật nói: “Chúng sanh thành Phật từ vô lượng

kiếp”. Việc luận bàn này, như trong mộng nói chuyện mộng cho vui vậ thôi, bàn qua cãi lại cho hết kiếp luân hồi!

Có câu chuyện kể như vậy: Phong tục cưới hỏi ngày xưa, cô dâu phải bịt mặt về nhà chồng trong ngày tân hôn, chuyện trăm năm của hai người do cha mẹ hai bên quyết định, vì vậy không biết mặt nhau là lẽ đương nhiên, ngày tháng áp ủ chờ đợi người trong mộng, giây phút thiêng liêng rồi cũng tới, chàng rẽ hồi hộp nhẹ nhàng mở chiếc khăn che mặt ra, chàng thảng thốt kêu lên: - Tưởng ai, cô dâu chính là cô gái anh gặp hằng ngày ra vào ở đầu ngõ!

Câu chuyện có ý ngầm trong nhà Thiền như vậy: - Có vị tăng tên Trí Thông trong hội của Ngài Quy Tông nữa đêm kêu to: - Tôi ngộ rồi! Tôi ngộ rồi!

Sáng ra Ngài Quy Tông bảo: Đêm qua ai nói ngộ ra đây xem!

Trí Thông bước ra thưa: Bạch Hòa Thượng là con.

Ngài Quy Tông bảo: Ông ngộ thế nào nói ta nghe.

Trí Thông thưa: Ni cô tức là cô gái.

Ngài Quy Tông gật đầu.

Nên nhà Thiền có câu : "Ngộ rồi đồng chưa ngộ" hoặc “ Phàm thành Thánh không đổi mặt”, không cách một đường tơ, thật gần gũi làm sao, vậy mà đã biết bao người, chỉ một kẻ tơ này không qua nổi trở thành khuất lấp. Thế nên chúng ta thấy, điều sai lầm ở bức tranh này là đi tìm, càng tìm càng không thấy, vì tưởng đạo là cái gì xa lạ, cũng như anh chàng kia tưởng cô dâu nọ là ai xa lạ, khi nhận thì là người mà anh gặp hằng ngày. Vì thế, Thiền sư Tu

Nghiệp nói: “Bồ tát và dạ xoa, không cách một kẻ tơ”.

TỤNG RẰNG:

*Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thăm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhọc tìm chẳng thấy
Chỉ nghe véo vắt tiếng ve sầu.*

Bài tụng nói lên tâm trạng của kẻ “đi tìm”, trong đó có tôi, sự đau khổ, lòng chơi vơi, tôi hụt hẫng tất cả, ở lại với tôi chỉ là nước mắt, tôi không còn chỗ bám víu và đã tự than: - ”Tôi không có phần trong Phật pháp, thôi không tu nữa”, bởi bao vốn luyện học hành trong những năm qua không ứng dụng được, càng cố công tôi chỉ chuốc lấy sự nhọc nhằn, tâm thức tôi vẫn tối tăm mờ mịt. Phật ở đâu?!

Tôi còn nhớ lúc thật nhỏ, tôi đã trào lên tượng Phật thật lớn trong điện Phật chính, tôi ôm Phật, rờ mặt rờ đầu Phật và nói: ”Phật ơi con thương Phật quá”. Trong đầu óc trẻ thơ, tôi cho đó là Phật thật.

Bây giờ lớn, đã đủ để nhận thức đó chỉ là pho tượng bằng xi măng. Vậy Phật ở đâu? Tôi thất vọng nào nê! là đau thương của kẻ “Đi tìm”.

Và may mắn thay! Đức Phật cho chúng ta một đáp án “Hồi đầu thị ngạn” nghĩa là - Quay đầu lại là bờ, chớ không tìm đâu hết.

Thiền Sư Thiện Hội có nuôi một sa di nhỏ làm thị

giả, sau khi dừng lại Ngài bảo thị giả đi hành khuất. Ông đi khắp các thiền hội mà không có chỗ dụng tâm, nghe Thầy họp chúng dạy đạo nổi danh vang dậy, ông bèn trở về hầu hạ thưa:

- Hòa Thượng có việc kỳ đặc như thế, tại sao trước chẳng chỉ dạy con?

Sư bảo:

- Người nấu cơm ta nhóm lửa, người bưng dọn ta dở chén, có chỗ nào mà ta cô phụ người.

Thị giả nhân đây ngộ nhập.

Vốn là cái có sẵn, chỉ cần thừa nhận, như chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy đầu mặt trong gương, úp gương lại thì kêu mất đầu, trong đây chỉ cần bỏ cái tâm đi tìm thì đầy đủ tất cả, nên chư Tổ nói: “Ồ trong nước ngập đầu mà kêu khát nước”.

Nếu dừng được tâm đi tìm, chúng ta sẽ “Thấy Dấu” ở tranh số hai.



Tranh Số 2

Thấy dấu



Âm:

Kiến Tích

*Thủy biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo lý phi kiến dã ma
Tùng thị thâm sơn cách thâm sát
Liêu thiên tỷ không tạc tàng tha.*

Nghĩa:

Thầy dầu

*Ven rừng mé nước dầu liên hồi
Vạch cỏ tìm cây thầy được thôi
Vị phải non sâu lại sâu thăm
Ngắt trời lỗ mũi hiện ra rồi.*

Thấy dầu

Gõ cửa cửa chẳng mở vô tình,
 Kiếp phong trần dầu mãi chịu điêu linh.
 Trong đêm đen có ánh chớp dẫn đường,
 Một tia sáng đã giúp tôi vượt dậy.

Ngài Lâm Tế: “Các người cứ nghiên cứu lý này, ngồi quán xét hai ba mươi năm, nếu không ngộ hãy chắt đầu lão tăng.”

Thiền Sư Quãng Tri: “là bậc học đạo, chẳng lo gì không thành tựu, chỉ lo chẳng siêng năng. Nếu hay rỗng rặc và siêng năng, thì chưa có ai tham thiền mà chẳng ngộ.”

Đời nay chẳng làm, hẹn đến bao giờ? Nếu kiếp sau không gặp mình sử, không gặp chánh pháp, lại cô phụ chính mình, lường uống một đời qua sông.

Nhà Thiên thường nhắc câu chuyện: Anh chàng mù và cây đèn lồng như sau:

Bỗng một hôm anh chàng mù nhớ đến người bạn thân đã lâu không gặp, anh lần mò tìm đến thăm bạn. Tình bạn xa cách đã lâu, khi gặp lại, hai người mặc tình hàn huyên tâm sự quên cả thời gian, khi chợt nhớ thì trời đã tối. Anh bèn tắt đèn ra về.

Người bạn kia kéo anh lại và nói: Anh hãy chậm rãi, chớ hấp tấp tôi sẽ thấp cho anh cây đèn, để anh cầm trên đường về.

Anh chàng mù nói: Này bạn, đối với tôi sáng cũng như tối, đèn hay không cũng vậy thôi.

Bạn anh nói: Tuy nhiên như thế, nhưng nếu anh có cây đèn, thì mọi người sẽ thấy và tránh anh khỏi vấp ngã.

Anh mù nghe, thấy cũng hợp lý, anh đồng ý và cầm đèn ra về.

Đi được khoảng đường khá xa, bỗng có người đâm sầm vào anh, anh mù la lên: Tại sao tôi có cây đèn, bộ anh không thấy sao mà lại bỗ báng vào tôi.

Người đi đường bèn cười và nói: Thưa anh, tuy anh có cây đèn nhưng đã tắt từ lâu rồi!

Câu chuyện thật tượng hình! Nhà Thiên lấy đây làm ý ngầm.

Cây đèn tượng trưng vốn liếng học hỏi, hiểu biết, kiến thức, ghi chép cổ kim... Nhà Thiên gọi là Trí hữu sư, trí này có là nhờ người truyền dạy lại, tuy đã cầm chắc trong tay nhưng không ích gì, vì đôi mắt tượng trưng Trí vô sư chưa mở sáng. Khi mắt chưa mở, cây đèn cũng không tác dụng. Giả sử anh mù hết mù, có thể không có đèn, tự

anh cũng tránh được hiểm nguy. Thế thì, tinh thần của nhà Thiền sẽ cướp lấy cây đèn của chúng ta, và chữa cặp mắt hết mù là điều thiết yếu.

Thiền Sư Tề Liên nói: “Học lại những lời trên giấy, ví như mặt trời mặt trăng vẽ không có ánh sáng“, Ngài Hương Nghiêm cũng có câu tương tự “Bánh vẽ không no bụng đói”.

Vốn liếng tri thức ấy chẳng phải của mình, chỉ là sự góp nhặt của người, nên chư Tổ thường hay nói “Chẳng biết xấu hổ”. Vay mượn của người xong gàn bướng nói kiến thức của mình.

Không phải của mình nên không biết sử dụng, đó là lý do khiến người mới tu tập gặp không ít trở ngại. Ví như người chủ nhà, họ sẽ biết rành rẽ các đồ vật trong nhà, còn người khách thì không có khả năng ấy.

Nhà Thiền gọi những hiểu biết do sự truyền đạt, góp nhặt là trí hữu sư, chẳng phải là của báu trong nhà, muốn sử dụng được phải từ hông ngực chính mình lưu xuất gọi là trí vô sư, chính vì vậy khi Thế Tôn thành đạo, Ngài tuyên bố “Ta học đạo không thầy”.

Nếu đã là của báu sẵn trong nhà thì sự việc sẽ đơn giản và nhanh chóng hơn nhiều! Như người đi đường đã nhắm đúng hướng, thì mỗi bước mỗi gàn, mỗi bước là mỗi an vui. Gõ cửa, cửa chẳng mở vô tình! Nên bức tranh thứ hai gọi là THẦY DẪU.

CHÁNH VĂN:

Nương kính để hiểu nghĩa,

*Học giáo lý để tìm dấu vết
 Biết rõ vòng xuyên đều là vàng,
 Cả thấy muôn vật là chính mình.
 Chánh tà chẳng cần biện biệt,
 Chân ngụy đâu cần phân chia.
 Chưa vào cửa này tạm nói là thấy dấu.*

LƯỢC GIẢI:

Nhìn vào tranh chúng ta thấy xuất hiện những dấu chân trâu, chú mục đồng lần theo dấu để tìm trâu, cũng như khi thấy bóng mặt trăng dưới đêm sâu tức biết có mặt trăng thật trên trời.

Kinh điển giáo lý là vết tích, chúng ta học hiểu cần phải quán sát lại chính mình, nhà Thiền gọi là phản quan tự kỷ, là bốn phần cốt yếu, giai đoạn này gọi là VẤN HUỆ trong ba môn học giải thoát VẤN, TU, TU; Văn nghĩa là nghe sự chỉ dạy.

Như Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo Anan và Đại chúng rằng:

“Cái suy nghĩ chẳng phải tâm ông...

Nếu cho cái suy nghĩ là tâm tức là nhận giặc làm con”.

Và Kinh Kim Cang có đoạn:

“Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm”.

Giai đoạn này là NGHE trong kinh điển nói chúng ta có một tâm thể bất sanh bất diệt.

Điều sai lầm và trở ngại lớn nhất của người mới tu tập là bỏ vọng tâm giữ chân lý, ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói: “Bỏ phiền não mà cầu bồ đề như người vào nắng mà muốn trốn bóng” nghĩa là việc làm phản tác dụng mà cứ cố làm, đề vọng tưởng không cho khởi là điều không hợp đạo lý, nên Tổ Tăng Xán bảo: Giữ niệm thanh tịnh là nhọc công, như đá đè cỏ vậy thôi không có kết quả gì, sai lầm là chúng ta bỏ sóng đi tìm nước, nên đầu bài có nêu “Biết rõ vòng xuyên đều là vàng”, tức là hãy ngay chỗ lăng xăng mà nhận thể chân thật chứ đừng lầy đừng bỏ, vì cả thầy muôn vật là chính mình, cảnh có thay đổi, cái biết bản nhiên thanh tịnh không giao động, không phai giữ nó mới thanh tịnh, như mặt gương sáng, thay đổi là cảnh chứ chẳng phải gương nhưng vì chúng ta đã lầm lẫn lộn xộn, nếu dụng công đắc lực nơi đây thật quá dễ dàng, không tốn chút công nào hết, được vậy rồi thì đâu còn gì là chân nguy, chánh tà.

TỤNG RẰNG:

Ven rừng mé nước dầu liền hồi

Vạch cỏ ruộng cây thấy được thôi

*Vì phải non sâu lại sâu thẳm
Ngắt trời lỗ mũi hiện ra rồi.*

LƯỢC GIẢI:

Ngài Trần Nhân Tông có ví dụ: “Tìm ngựa trên bản đồ”.

Có một anh chàng nọ bị mất ngựa, anh khởi công tìm kiếm bằng cách, anh mua về một bản đồ và anh dò tìm con ngựa bị thất lạc chỉ trên bản đồ. Vậy thử hỏi bao giờ anh tìm được? Muốn tìm thì anh phải rời bỏ bản đồ và xông vào các nẻo đường mới gặp được. Cũng thế, chúng ta học lời Phật trên kinh sách giấy mực cho đó là chân lý quý báu, tụng hoài đọc mãi thì cũng chỉ là giấy mực, bởi thế, đối với đạo đây là chướng ngại thứ nhất mà kinh Viên Giác Phật nói “lấy ngón tay cho là mặt trăng”. 'Kinh Viên Giác Đức Phật ví dụ: như đêm có trăng sáng, người này muốn chỉ cho người kia trên trời có trăng, lấy ngón tay chỉ. Người kia muốn thấy mặt trăng phải rời ngón tay, nếu không rời ngón tay thì không thấy được trăng'. Nếu không như thế, chẳng những không thấy mặt trăng mà còn làm luôn cả ngón tay.

Trở ngại thứ hai là cứ muốn giữ tâm thanh tịnh, nếu giữ được vẫn thua gỗ đá vô tình. Tâm là thể không sanh không diệt, vọng tưởng khởi là có sanh, đề được vọng niệm lặng là diệt, vậy là trái với tâm thể hằng hữu thường biết rồi, nên Lục Tổ có nói “Đối cảnh tâm thường khởi”, chúng ta làm cái việc mà Ngài Đông Sơn nói "Như người đi về

phía Tây mà mặt hướng về Đông”, chính vì thế mà khó có thể tiến đạo.

Kinh A-Hàm Đức Phật có nêu lên hình ảnh “Người chơi đàn” để chỉ dạy cách tu tập như sau:

“Này Chư Tỳ Kheo! Như người chơi đàn, nếu dây đàn dùn quá thì tiếng đàn có hay không? Thưa không Bạch Thế Tôn.

Này Chư Tỳ Kheo! nếu dây đàn thẳng quá thì âm điệu có hay không? Thưa không Bạch Thế Tôn”.

Cũng thế, trong tu tập nếu rơi vào hai thái cực lười biếng quá thì công phu không đi tới đâu, và tinh cần quá thì thân thể sanh nhọc nhằn, trí tuệ không sáng suốt, cả hai đều chướng ngại đạo tâm, vậy các ông hãy như người chơi đàn khéo điều chỉnh dây đàn mới có được âm thanh hay, thái quá và bất cập là hai trạng thái cần nên biết và tránh, đó là trở ngại thứ ba. Thế thì, trong tu tập nếu có kiến giải chân chánh thì dụng công ít mà kết quả nhiều, nếu chẳng phải thế, thì dù trải qua nhiều kiếp tu hành vẫn là khổ lụy thân tâm, như nấu cát muốn thành cơm, nếu là cát dù ngàn năm vẫn là cát, chứ không thể do cố gắng siêng năng sẽ biến thành cơm!

Tranh này có tên là “thấy dấu” xét trên cả hai mặt lý và sự. Sự là nương kinh điển để có chánh kiến, trên lý là mỗi động tác mỗi thấy nghe hiểu biết nếu chẳng phải tâm thì là gì? Cứ đi theo dấu vết ấy thì sẽ thấy dấu trâu thoi.

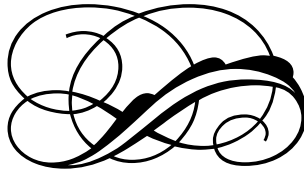
Tóm lại: trong tranh này chúng ta dễ nhận ra những sai lầm mà người mới phát tâm tu tập dễ mắc phải.

1. Lấy kinh điển giáo lý làm tối thượng.
2. Muốn kèm giữ đề nén không cho vọng khởi để

tâm thanh tịnh mà quên mất “bản nhiên thanh tịnh”.

3. Dụng công quá sức khiến dễ sanh nhọc nhằn.

Nếu không mắc phải những lỗi này có thể hành giả sẽ thấy được dấu chân trâu, vì mỗi cử động đều rời chân tâm, như thấy bóng mặt trăng thì biết có trăng thật.



Tranh Số 3

Thầy râu



Ấm:

Kiến ngư

*Hoàng li chi thượng nhất thanh thanh
Nhật noãn phong hòa ngạn liễu thanh
Chỉ thử cảnh vô hồi tị xứ
Sâm sâm đầu giác họa nan thành.*

Nghĩa:

Thầy trâu

*Hoàng anh từng tiếng hát trên cành
Nắng ấm gió hòa bờ liễu xanh
Chỉ thế không nơi xoay trở lại
Đầu sừng rành rõ vẽ khó thành.*

Thầy trâu

Rồi một sớm mai ta thức dậy
 Gió ngút mây ngàn cảnh tịch liêu
 Lòng thanh thản cầu mong chi giải thoát
 Một tiếng chim kêu bỗng vỡ tan.

Phật bảo Anan: “Nếu cho suy nghĩ phân biệt là tâm, thì khi rời cảnh vật mà vẫn còn đó mới phải là tâm.

Nếu rời mà không còn, tức suy nghĩ phân biệt ấy không phải tâm.

Dẫu cho không thấy nghe hiểu biết mà vẫn có cái thềm thềm bên trong thì đó cũng là vọng tưởng không phải chơn tâm.

Tôi không bắt buộc ông cho cái suy nghĩ phân biệt đó không phải tâm ông.

*Tôi chỉ bảo ông nên chín chắn suy xét:
Nếu rời cảnh vật mà cái suy nghĩ này vẫn còn thì
mới thật là chơn tâm của ông.”*



Đây là tranh số 3, trên hình vẽ nhìn thấy được phần đuôi và phần hông con trâu, đến đây con trâu tượng trưng chân tâm thường trụ vắng lặng.

Người tu tập đến giai đoạn này được coi như là “bước ngoặt khá quan trọng”, vì nếu không dấn vào khoảng điền địa này thì “Tiến thời lưỡng phân” đến chỗ này ví như đêm đen được ánh sáng, nhà Thiền gọi đây là kiến tánh, hàng Bồ Tát Thập Địa gọi là Bồ tát sơ địa là đã nhận được pháp thân, bắt đầu vào dòng thánh.

Kinh Pháp Hoa phẩm 17 có đoạn:

- Phật nói: “Nếu người nào phát tâm tin hiểu nơi mình có pháp thân bất sanh bất diệt thì công đức người ấy không thể tính lượng hơn cả công đức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ.

- Một đoạn khác Phật nói: Nếu người thiện nam, thiện nữ nào tin hiểu không nghi ngờ nơi mình có pháp thân bất sanh bất diệt, người đó sẽ thấy Phật đang ở núi Kỳ Xà Quật vì các vị Bồ tát lớn và hàng Thanh Văn vây quanh nói pháp. Đây là giai đoạn NGỘ Tri kiến Phật trong bốn phần khai, thị, ngộ, nhập trong Kinh Pháp Hoa tương đương với giai đoạn này của tranh chăn trâu.

Đối với Thiền Tông, nếu không đến được giai đoạn này cũng không thấy được nét đặc trưng của “Giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” và tùy theo duyên thù thắng của hành giả mà sức tiến đạo có thể nhanh như gió, vì được cái nhân bất sanh bất diệt thì quả giải thoát không nghi, bằng ngược lại, với người không đủ mãnh liệt thì hãy cẩn thận như đi trên băng mỏng vì rất dễ rơi lại chỗ cũ như phạm phu nhiễm ô ban đầu. Sức tuy có

nhanh và chậm không đồng, nhưng cả hai đều có thể đi đến mục đích, nhanh cũng đến và chậm rồi cũng đến, chỉ người thiếu quyết tâm mới là đáng trách.

Từ bức tranh này, Thiên tông nắm mấu chốt, ngay đây dùng những thủ thuật sáng tạo giúp hành giả kiến tánh. Như Ngài Vân Môn và Thị giả:

Thiên Sư Vân Môn có Thị giả là Ngài Trùng Viễn, mỗi khi tiếp - Vân Môn đều gọi:

- Thị giả Viễn.

Viễn đáp:

- Dạ!

Vân Môn bảo:

- Ấy là gì?

Cứ như thế trải qua 18 năm Trùng Viễn mới ngộ. Vân môn bảo:

- Nay ta mới không gọi ngươi nữa.

Tức là Thị giả đã nhận được thể không sanh không diệt nơi mình, đến đây việc của Thiệu Tri Thức đã xong, còn lại là phần của mỗi người, nhà Thiên gọi là giai đoạn trưởng dưỡng thánh thai.

Ngài Khuê Phong có ví dụ: Như đứa trẻ sơ sinh, tuy đủ hình hài nhưng mọi việc đều nhờ sự giúp đỡ bên ngoài, cũng thế, tuy đã có chánh kiến nhưng nếu cầu thả vẫn thói đọa rơi vào tà kiến. Bởi sức kia chưa đủ.

Như vậy, người đến được khoảng này đã phân phát được tinh thần, gây dựng lại niềm tin, mà tôi trong một lúc bất thần đã tự thốt lên “Ta từ đây đến vô lượng kiếp sau tu hành không chán mỗi”, xong trước kia, cũng chính tôi nói “Ta từ đây không tu nữa“, vì thế Thiên Sư Tư Nghiệp có bài

kệ :

Hôm qua lòng dạ xoa
Sáng nay mặt bồ tát
Bồ tát và Dạ xoa
Không cách một lần tơ.

CHÁNH VĂN:

*Từ tiếng mà được vào,
ngay chỗ thấy gặp được nguồn.
Cửa sáu căn rõ ràng không sai khác,
trong động dụng rành rành hiển lộ.
Vị muối mặn ở trong nước,
chất keo xanh ở trong màu.
Nường lông mày lên
chẳng phải là vật gì khác.*

LƯỢC GIẢI:

Hòa thượng Trường Sa Cảnh Sầm có đoạn:
"Tốt mười phương thế giới là mắt của Sa môn
Tốt mười phương thế giới là thân của Sa môn
Tốt mười phương thế giới là ánh sáng chính mình

Tốt mười phương thế giới không có người nào chẳng phải chính mình."

Thưa, nếu tu hành như thế thật là thích thú, bởi đâu đâu cũng biểu hiện chủ nhân ông, tất cả pháp đều là Phật pháp, nơi nơi đều là đạo tràng thanh tịnh.

Kinh A Di Đà có đoạn đại ý như sau: “Cách đây mười muôn do tuần, về phía Tây có thế giới Phật A Di Đà, nếu người hay niệm Phật đến nhất tâm không loạn, đến khi chết sẽ thấy Phật và Thánh chúng đến rước”. Lâu và xa quá! Sống một đời chỉ chờ Phật đến rước, còn hiện tại thì sao? Lẽ nào đành cam chịu chìm đắm khổ đau!

Bởi thế, nhà Thiền dùng thuật chỉ thẳng tâm người kiến tánh thành Phật, ngay sáu căn là cửa giải thoát, ngay đời sống là Niết bàn hiện tại, sống chết là trò đùa sanh tử, há phải nguyện sanh về chôn nào! Đây quả là tiếng gầm thét sư tử.

Hành giả đến giai đoạn này nhà Thiền gọi là đã “xuất đầu lộ diện“, hay “mũi dùi trong đẫy“, nghĩa là, cây dùi mũi nhọn dù cho dấu kín trong túi nó vẫn thò đầu ra ngoài, đến đây gọi là sư tử con đã biết gầm rống tiếng sư tử. Có câu chuyện như sau : Sư tử con vừa mới chào đời thì bị lạc bầy và chung sống với bầy nai, vì sự chung sống ấy nên sư tử con không biết gì về giống nòi của mình, chỉ đi theo bầy nai gặm cỏ và kêu be be. Bỗng một hôm sư tử chúa đi săn mồi, nhìn thấy trong bầy nai sao lại có con sư tử lạc loài, sư tử chúa bèn lấy đà phóng tới, tóm lấy sư tử con tha về hang động nơi sào huyết dòng giống của mình. Đã về chung sống với đồng loại, nhưng sư tử con vẫn kêu tiếng be be của nai, sư tử chúa tức giận bèn nắm lấy cổ sư tử con

kéo ra bờ suối bắt sư tử con soi bóng mình dưới nước để nhận diện mặt mày thật của mình chính là sư tử loài chúa sơn lâm chứ không phải loài nai nhúc nhát kia! Khi nhận ra mình chính là sư tử, sư tử con sung sướng dùng hết tinh thần gầm rống lên tiếng của giống nòi mình.

Câu chuyện trên được ngụ ý rằng: Nơi mỗi người có tâm thể thanh tịnh trùm khắp - dù như sư tử là loài chúa sơn lâm; một khi cất tiếng gầm rống thì muôn thú trong rừng đều lẫn trốn, có một tâm thể rộng lớn như thế mà không nhận, đi nhận những mảnh vụn lãng xãng li ti nhỏ hẹp, như sư tử con lại kêu tiếng be be của loài nai. Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật có nói: “Biển cả thênh thang không nhận, lại nhận hòn bọt cho là toàn thể biển cả”. Khi hằng sống với tâm thể thanh tịnh thì không có vọng thức lãng xãng, chứ không cần phải bỏ từng chút một, nên nói “kiến tánh thành Phật” ngay tức khắc, giống như khi sư tử gầm lên tiếng rống thì muôn thú đều hoảng sợ bỏ chạy.

Nên trong phần chánh văn đã nêu, ”Nhướng lông mày lên chẳng phải là vật gì khác” nghĩa là chân tâm rành rành hiển lộ, không phải tìm kiếm đâu xa bên ngoài.

TỤNG RẰNG:

Hoàng oanh tiếng hót trên cành

Nắng ấm gió hòa bờ liễu xanh

Chỉ thế còn đâu nơi tránh né

Đầu sừng lộ lộ vẽ không thành.

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng nói lên tâm và pháp không gián cách, thường hiện hữu, thường trụ vắng lặng, tuy vậy chỉ mới được gọi là “Chân như tại thiên” nghĩa là chân tâm còn lẫn vọng tâm như vàng còn lẫn trong quặng, nên Ngài Trần Nhân Tông trong “Cư trần lạc đạo” có nói “chín phen đúc chín phen rèn”, vẫn biết là tìm nước trong sóng, nhưng vì hình tướng của sóng ô át quá chưa thể dùng được, tuy là nước nhưng nhiều cát bẩn cần phải có thời gian gạn lọc, nên nhà Thiên nói “ Đốn ngộ tiệm tu”, đốn là nhanh, tiệm là chậm, khi thấy thì liền thấy không trải qua thời gian, nhưng muốn đến nơi thì không thể nói suông mà đến được, nên nói lý sự phải viên dung, chúng ta nghe câu chuyện sau đây:

Sau khi Mã Tổ đã ra giáo hóa, Thiên Sư Hoài Nhượng sai một vị Tăng đến thăm. Trước khi đi Ngài dặn:

- Đợi khi Mã Tổ lên thuyết pháp chỉ hỏi “Làm cái gì?” Đợi y trả lời, ghi nhớ những lời ấy đem về đây.

Vị Tăng đi thăm làm đúng theo lời hòa thượng dặn, khi trở về vị Tăng thưa:

- Mã Tổ nói : “ Từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối”.

Hoài Nhượng nghe xong gật đầu.

Đây là câu trả lời khéo ẩn dấu cho chứng đắc của Ngài, nghĩa câu nói là: - Từ khi nhận được tâm yếu đến nay đã ba mươi năm, chưa từng gián cách thừa hỡ, tức là chưa từng quên, mà hằng sống với tâm thể thanh tịnh.

Như vậy chúng ta thấy, ở bức tranh này, chỉ mới là

bước sơ khởi, chỉ là niềm tin mới được gầy dựng mà thôi, và chúng ta sẽ thấy gì ở tranh kế tiếp???



Tranh Số 4

Được trâu



Âm:

Đắc ngư

*Kiệt tận thần thông hoạch đắc cừ
Tâm cường lực tráng tốt nan trừ
Hiếu thời tài đáo cao nguyên thượng
Hậu nhập yên vân thâm xứ cư.*

Nghĩa:

Được trâu

*Dùng hết thần thông bắt được y
Tâm hùng lực mạnh khó khăn gì
Có khi vừa hưởng cao nguyên đến
Lại xuống khỏi mây mãi nằm ỳ.*

Được Trâu

*Vui hân hoan đã cùng tôi đón nhận
Bản vô sanh chấn động cả thân tâm
Kể từ đây ngàn thánh có ra đời
Khó lay động niềm tin tôi bất thoái.*

“Ta ngàn kiếp học oai nghi Phật, muôn kiếp học tế hạnh Phật còn chưa được làm Phật, bọn ma phương nam dám bảo: - Trục chỉ chân tâm kiến tánh thành Phật.”

Thiền Sư Đức Sơn quảy gánh kinh về phương nam, một phen quyết ruộng tận hang ổ bọn chúng báo Phật ân đức.

Sau khi được Ngài Lăng Tán tiếp độ, Đức Sơn lại đem gánh kinh ấy ra trước pháp đường nỏ lửa thiêu sạch.

Lạ quá! Điều gì đã khiến hai thái độ thật tương phản xảy ra trong một con người như vậy?

Và sau khi đót xong liền nói: “Tốt các biện luận siêu huyền như một sợi lông ném trong hư không; hết sạch các trọng yếu ở đời như một giọt nước gieo vào hồ to.”

Khi nhận được yêu chỉ nói Sùng Tín bèn nói: “Từ nay về sau không còn nghi lời nói chư lão Hòa thượng trong thiên hạ.”

Nhìn vào tranh chúng ta thấy chú mục đồng cầm roi quất vào trâu, vậ trâu ở đây tượng trưng cho vọng tâm, hình ảnh nói lên giai đoạn gian nan nhất trong tiến trình tu tập. Trong ba môn học Văn, Tư, Tu, đây là thuộc về TU HUỆ, Kinh Hoa Nghiêm có đoạn nói về ý này như sau: Thiện Tài Đồng tử hỏi vị Thiện tri thức:

- Nếu chỉ nghe và hiểu đạo thôi có đủ chưa?

Thiện tri thức đáp bằng ví dụ:

- Như có người đi trên sa mạc vào lúc trưa hè, lại không đem theo nước uống. Bây giờ khát nước cháy cổ, người kia muốn tìm chút nước uống cho đỡ khát, nhưng không biết tìm ở đâu, bỗng gặp được người trên đường đi lại, anh này liền hỏi:

- Chào anh, anh có biết chỗ nào có nước và bóng mát xin chỉ dùm, tôi khát nước quá!

Người kia bảo:

- Anh đi tới ngã ba, quẹo phải, đi thêm đoạn nữa sẽ có bóng mát, bên cạnh gốc cây có một giếng nước.

Anh chàng khát nước nghe nói vậy mừng quá, nhưng chưa đi tới đó thì có hết khát nước không?

Như vậy nghe nói xong và hiểu rõ còn phải đi tới nơi; đi tới nơi rồi phải vốc nước lên uống, khi đó mới hết khát.

Cũng thế, chúng ta chỉ VĂN, TƯ mà thiếu TU thì không đi tới đâu, vì khổ phiền não vẫn đong đầy.

Ví dụ trên là ý nghĩa của bức tranh này.

Bức tranh này gọi là “Được trâu”, đã được rồi nhưng tại sao không cỡi trâu? Vì là con trâu hoang, con trâu chưa được huấn luyện nên rất hung hăng, như anh chàng khát nước, nghe và hiểu rồi, đến giai đoạn anh phải đi tới nơi,

nhưng đường đi không dễ dàng cho lắm nên Giáo lý nhà Phật có nói đến chữ “tập khí”, tập là tích chứa, là nhóm họp, là gom góp; khí là hơi hám. Tập khí là sự chứa nhóm tích lũy thành thói quen, nhưng lưu ý thói quen này chỉ là hơi hám mà thôi.

Vậy tính hung hăng dữ tợn của con trâu tượng trưng cho tập khí người tu tập khó bỏ khó điều phục, nên cổ đức có nói ý này qua bốn câu thơ như sau:

“Giác ngộ tuy đồng Phật
Nhiều đời tập khí sâu
Gió dừng sóng vẫn vỗ
Lý đã hiểu, niệm vẫn khởi”

- Giác ngộ tuy đồng Phật: với người đã kiến tánh, đã ngộ pháp thân, đã biết bản lai diện mục là có cái hiểu bằng Phật.

Nhiều đời tập khí sâu: cái hiểu đã bằng Phật, nhưng thói quen tập khí, thói quen phàm phu chúng sanh quá sâu, như con trâu hoang rất dữ tợn.

- Gió dừng sóng vẫn vỗ: chúng ta nhìn trên mặt biển, mặt biển vốn phẳng lặng, có sóng là vì gió thổi, gió đã ngừng nhưng mặt biển vẫn chưa yên, là hình ảnh ví dụ - Hiểu thì bằng Phật như gió đã dừng, vẫn còn tập khí là sóng vẫn khởi.

- Lý thì đã hiểu, nhưng niệm vẫn còn khởi: chân lý đã hiển bày, nhưng vọng niệm chưa thể một lần dứt sạch do thói quen tập khí, không thể một lần mà hết được.

Quá trình tu tập là - chúng ta có thể hiểu qua hình ảnh gạn lọc nước, lọc hết cặn bã tập khí để sống hoàn toàn

với tâm thanh tịnh như nước đục lắng trong, nước lắng các dơ bẩn, nhưng nếu bị khuấy động thì nước đục trở lại, vì thế, sau lắng trong rồi, kế phải gạn bỏ sạch phần lắng đọng ấy thì dù có bị khuấy động cách mấy nước vẫn trong; ví dụ ấy giúp chúng ta hiểu từng giai đoạn tu tập và tại sao có Niết Bàn của hàng Thanh văn, Niết bàn của hàng Bồ tát và Niết bàn của Phật, tức là tùy theo cách lắng nước mà nước có thể sạch năm phần dụ như Niết bàn hàng Thanh văn, bảy phần dụ như Niết bàn của Bồ tát hay sạch hoàn toàn dụ như Niết bàn của Phật. Công việc gạn lọc ấy được gọi qua danh từ CÔNG PHU TU TẬP, và công phu tu tập có khi nhẹ nhàng có khi khó khổ sẽ tùy thuộc vào phương pháp ứng dụng, nhà Phật gọi là CĂN CỐ hay TRÌNH ĐỘ, vì thế rất đa dạng như có nhiều thuốc vì có nhiều bệnh, ở đây chúng ta chỉ tham khảo trong phạm vi của bài là tu theo Thiền Tông.

Ở bức tranh số ba là người tu tập mới nhận ra pháp thân, còn ở bức này là hằng sống với pháp thân, muốn vậy phải loại bỏ tập khí, phiền não, vọng tưởng như muốn được nước trong thì phải loại bỏ cặn bẩn trong nước.

CHÁNH VĂN:

Từ lâu rời lập ngoài đồng,

hôm nay mới gặp được y.

Bởi do cảnh đẹp khó xưa đuổi,

*luyện đấm cỏ thơm chẳng thôi.
 Tâm ngang ngạnh còn mạnh,
 tánh hoang dã vẫn còn,
 Muốn được thuần hòa hẳn phải thêm roi vọt.*

LƯỢC GIẢI:

Đây là giai đoạn người đã kiến tánh điều phục tâm mình, như điều phục con trâu hoang, lối tu theo Thiền Tông thì nhẹ nhàng, không câu nệ hình thức, chỉ tỉnh sáng không bị vọng tưởng kéo lôi đó là tu.

Có vị Tăng hỏi Thiền sư Cự Tuân ở Lang Nha:

- Trong hai bốn giờ dụng công như thế nào?

Sư đáp:

- Như người không tay muốn đánh.

Bởi vì vọng tưởng chỉ là bóng dáng không thật, không cần phải dẹp trừ, như người không có tay mà muốn đánh, nên nói tu như không tu, vì đâu cần phải làm gì, chỉ không theo liền thôi “như giặc vào nhà trống” chẳng có gì để lấy, trong phần chánh văn nói “phải thêm roi vọt” nhưng thật sự đơn giản hơn nhiều, vì vọng tưởng như đám mây trôi trên bầu trời, chẳng phải thật có, giống như con cọp trong hình vẽ, gọi là cọp nhưng chỉ là hình vẽ nên chẳng đáng sợ; chữ tập khí, khí là hơi hám, đâu phải thật có. Ví dụ có người đến chọc tức cho mình nổi giận, nhưng nếu mình không giận thì thôi, đâu có tập khí nóng giận khởi lên, nên nói không thật là vậy, nếu thật thì lúc nào cũng phải có. Ké

tiếp, nếu chúng ta nổi nóng tức giận la lối, xong cố gắng tu, cố gắng bỏ, rồi lại thấy mình có công tu giỏi, nhưng nếu nghe rồi bỏ qua không quan tâm, không để lòng, nghe như gió thoảng, vậy cũng không cần phải tu, nên có câu “Tu vô tu” là vậy; vậy chúng ta chọn cách nào?!

TỤNG RẰNG:

*Dùng hết thần thông bắt được y
 Tâm hùng sức mạnh khó khăn ghè
 Có khi vừa hưởng cao nguyên đến
 Lại xuống khỏi mây mãi năm ỳ.*

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng nói lên sự khó khăn trong việc điều phục tập khí, thắng được tập khí, phiền não, vọng tưởng không phải việc làm một sớm một chiều mà xong, Thiên Sư Dũng Tuyên nói “Ta bốn mươi năm hầy còn lậu lọt”.

Hòa thượng Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Nay Huệ Tịch! Tâm thức ông không còn vọng động đã được mấy năm rồi?

Ngưỡng Sơn chưa vội đáp, hỏi vặn lại:

- Hòa thượng không vọng động đã được mấy năm rồi?

Lúc đó Quy Sơn đã bảy mươi tuổi, Sư đáp Ngưỡng Sơn:

- Lão tăng không vọng động đã bảy năm rồi.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Huệ Tịch con chính đang náo loạn.

Đề thấy - Nếu làm dối dối thì đâu thể gọi là quả vô thượng bồ đề. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có diệu thuật - Làm như không làm, như trong mộng thấy làm mọi việc, thức giấc chẳng có gì, bởi thân tâm đều không thật có, Ngài Đạo Giai Phù Dung có câu:

“Sanh chẳng thích thiên đường

Chết chẳng sợ địa ngục

Buông tay đi ngang ngoài tam giới

Mặc tình vượn bỗng nào buộc ràng”.

Thích thiên đường, sợ địa ngục bởi thấy thân tâm đều thật; nếu thân tâm không thật thì thiên đường địa ngục không khác, đã không khác thì làm gì có tam giới, không tam giới thì lấy đâu buộc ràng. Như câu chuyện Đề Bà Đạt Đa phá hoại Phật, khi chết đọa địa ngục, Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông đến thăm và hỏi: ông ở địa ngục có khổ không? Đề Bà Đạt Đa đáp: “Tôi ở địa ngục vui như cõi trời Tam thiên”. Vì sao được vậy? Bởi thân tâm đều không. Thế nên, việc tu không gì khác hơn mà chỉ đổi một cái nhìn liền chóng an lạc giải thoát. Nhưng nếu thấy có thiên đường thì phải biết sợ địa ngục, thân tâm đã không thì Bồ đề Niết bàn là gì? Kinh A-Hàm Phật nói: giáo pháp của ta nói như nắm lá vàng để vỗ con nít khóc, vậy Bồ đề Niết bàn như lông rùa sừng thỏ mà thôi, chỉ có ngôn thuyết mà

không có thật tướng. Và kinh Tứ thập nhị chương Phật nói: “Tu mà không tu, chứng mà không chứng”, có đắc có chứng đó là ma nói.

Kinh Tứ thập nhị chương Phật dạy:

“Người hành đạo,
ví như một người chiến đấu với muôn người,
khi mang giáp ra trận,
hoặc sợ hãi nửa đường thôi lui,
hoặc chống cự đến chết, chiến thắng trở về”.

Nhân lời nói của Phật, chúng ta mới ý thức và thấy được giá trị của việc tu tập không phải thương, và thấy được chỗ cao quý của đạo đâu phải chỉ tụng niệm, lễ lạy, cầu xin . . . ”Một việc làm mà chẳng phải quan văn quan võ làm được”. Người mà sáu căn không dính sáu trần đâu thể là người thiếu ý chí, thiếu nghị lực mà làm nổi.

Căn cứ theo bức tranh, thì giai đoạn này là hành giả đã kiến tánh, sau kiến tánh, tuy vẫn còn nhiều tập khí phiền não vọng tưởng, nhưng việc dụng công có phần dễ hơn, phần phát hơn, bởi đã thấy được của báu trong nhà, đã hoàn toàn tự tin chính mình, thiên đường địa ngục cầm trong tay.

Như vậy đối với người chưa kiến tánh ứng dụng ra sao? Và có gì khác biệt với người đã kiến tánh?

Hai trường hợp đều dụng công như nhau, khó khổ như nhau, chỉ khác ở chỗ - người kiến tánh thì tự tin và mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, chuyên cần, bền bỉ không chán mỏi vẫn là điều cần thiết, người đã kiến tánh nếu lơ là khinh xuất vẫn có thể thoái đạo, còn người mới tu tập nếu

biết hướng tới không xao lãng thì kết quả không nghi.

Trong ứng dụng, chúng ta nếu một lần buông không xong thì có thể dùng các pháp đối trị, quán chiếu bằng mọi cách để là người chiến thắng trở về. Hễ giặc lì lợm, dai dẳng hung hăng thì chiến sĩ càng hùng mạnh càng nhiều công trạng, nhiều vọng tưởng thì nhiều trí tuệ, có nhiều chúng sanh thì công hạnh càng dày, như người đi buôn một lời mùi đó là điều đáng mừng, mâu thuẫn thay, người tu tập lại than van sao nhiều vọng tưởng.



Tranh Số 5

Chăn Trâu



Âm:

Mục ngưu

*Tiền sách thời thời bất lý thân
Khủng y tăng bộ nhập ai trần
Tương tương mục đắc thuần hòa dã
Cơ tọa vô ức tự trực nhân.*

Nghĩa:

Chăn trâu

*Nằm chặt dây roi chẳng lia thân
Ngại y chạy thẳng vào bụi trần
Chăm chăm giữ mãi thuần hòa dã
Dây mũi buông rồi vẫn theo gần.*

Chăn Trâu

Chăn ! Chăn ! Chăn !

Trí tuệ mới định nên thành trí

Không thể do tin ngưỡng cầu xin

Phật chẳng phải Tò cũng chẳng phải

Mạt vàng tuy quý cũng làm xốn xan.

Thiền sư Lâm Tế:

Hàng đạo lưu mắt sáng ma phật đều đánh.

*Các người nếu mến phật ghét phàm, thì phải
nổi trôi trong biển sanh tử.*

Cổ nhân nói:

Nếu muốn làm việc cầu Phật,

Phật là điềm lớn sanh tử.

Thầy tri viên hỏi Thiền sư Duyên Quán:

- Khi giấc nhà khó giữ phải làm sao?

Sư đáp:

- Biết được thì chẳng phải oan gia

- Sau khi biết được thì thế nào?

- Biển đến nước vô sanh

- Nước vô sanh đâu phải chỗ y an thân lập mạng?

- Nước chết không chứa được rồng

- Thế nào nước sống chứa rồng?

- Dây mồi mà không thành sông.

- Bỗng khi đằm nghiêng núi đổ thì sao?

Sứ bước xuống giường thiền, nắm đứng lại bảo:

- Chớ nói vết góc ca sa lão tăng.

Công phu đến đây là được nửa đoạn đường, một nửa đã qua và một nửa còn lại chúng ta cũng chẳng thấy hành giả tụng kinh hay tọa thiền... Thế mới biết, công phu chủ yếu là việc chăn giữ tâm, nếu thế thì, việc tu tập không câu nệ vào hình thức nghi lễ nơi chốn hay thời gian, chính vì thế, sử sách vẫn ghi lại vua quan đời sống bận rộn vẫn tu tập không trở ngại, vua quan là người bận rộn hơn hết mà vẫn không trở ngại, còn chúng ta chỉ là thường dân, một gia đình năm bảy người lại lăm điều trở ngại đến thế sao?!

Bức tranh này gọi là “CHĂN TRÂU”. Chăn nghĩa là dẫn, dắt, giữ không để chạy bậy, và đi theo ý muốn của chủ. Tôi cho đây là hình ảnh đẹp nhất, đẹp đây không phải toàn bích toàn mỹ, mà là cái đẹp của người mới ra khỏi cuộc chơi, mới tỉnh cơn mộng, mới vừa tỉnh và còn một chút ngái ngủ, cái ngái ngủ của thói quen của tập nghiệp lâu đời, thế nên, đạo lý tuy có sáng nhưng chưa hẳn sáng, nên hành giả cần phải dụng công nhiều, chưa dám lơ lỏng sợi dây mũi, vậy nét đẹp này là nét đẹp của sức tự chủ! của sự cố gắng!

Hai câu hỏi lớn trong Kinh Kim Cang là:

- Làm sao hàng phục vọng tâm?
- Làm sao an trụ chân tâm?

Đức Phật trả lời:

- Muốn hàng phục vọng tâm thì phải độ tất cả chúng sanh vào vô dư Niết Bàn mà không thấy có một chúng sanh nào được độ.
- Muốn an trụ chân tâm thì phải không trụ tướng

mà hành bồ thí.

Như vậy người chăn trâu giỏi, tuy không thấy tụng kinh bằng miệng bằng lời mà chính là đang trì kinh đang thực hành lời kinh một cách triệt để, nên chúng ta thấy tinh thần nhà Thiền không trái với ý kinh.

Việc chăn trâu sẽ tùy thuộc vào ý chí mãnh lực của từng hành giả, người cương quyết chăm chỉ tinh tấn, kẻ biếng lười dễ dãi buông lung. Người mới chăn, có khi để niệm chạy cả cây số mới chợt tỉnh, người khá hơn vừa hơi xa xa liền phát hiện kéo lại, khá hơn nữa vừa chạy liền biết, cho đến lúc hành giả lúc nào cũng ở đầu tâm, tức là đã hàng phục được vọng tâm như trong Kinh Kim Cang đã nêu.

Kinh Kim Cang Phật dạy: Người muốn an trụ chân tâm thì phải bồ thí không được trụ tướng. Không trụ tướng là không có hình tướng vật chất, đây muốn nói đến vọng tâm vọng niệm; chữ bồ thí: Bồ là ban bố, thí là cho. Bồ thí không trụ tướng là có bao nhiêu vọng tướng đem bồ thí không nắm giữ ngay đó được an trụ chân tâm. Chính vì thế chư Thiền đức mới dám bảo “khuấy sông dài thành tô lạc; nắm đất thành vàng ròng“, đối với người tu tập những trở ngại đều biến thành lợi ích, tất cả đều là sự giúp đỡ thì còn gì để mà phiền não, thế thì nơi nào cũng là an lạc giải thoát đều mát mẻ thanh hương, với cái nhìn như thế thì vọng tưởng phiền não đã tự giảm thiểu khá nhiều, còn như đứng sai, phải trái, hơn thua ta người nồng nhiệt quá, không biết bồ thí như lời Phật dạy thì việc tu rất khó tiến. Có câu chuyện thật điển hình như sau:

Ngài Pháp Diễn nghe tiếng tụng đạo đức vang dội của

Hòa thượng Quy Tĩnh, đường dài lặn lội xa xôi tìm đến học đạo, vừa đến nơi Hòa thượng thấy liền hỏi:

- Các ông là tăng châu huyện hay tăng học đạo?

Pháp Diễn thưa:

- Chúng con là tăng học đạo, xin Hòa thượng ban cho chúng con pháp yếu.

Mọi người vừa ngồi xuống, Ngài Quy Tĩnh bèn lấy nước tạt ướt hết đầu mặt giữa mùa đông giá rét, nhưng tất cả vẫn ngồi yên chỉ mong Hòa Thượng từ bi thí pháp.

Thấy tất cả vẫn ngồi yên, Hòa Thượng liền lấy tro ra rãi, đang khi ướt át, lại gặp tro bám vào lem luốt khắp hết. Đến lúc này, một số người bất mãn đứng dậy bỏ đi ra, chỉ còn lại Nghĩa Hoài và Pháp Diễn.

Hai người vẫn ngồi yên bất động, thấy thế Hòa Thượng bảo: Tại sao tất cả đã bỏ đi, hai ông còn ngồi lại đây.

Pháp Diễn thưa: chúng con vì đạo đức của Hòa Thượng, vạn dặm xa xôi tìm đến đây, thì không vì một gáo nước một nắm tro mà bỏ đi.

Ngài Quy Tĩnh bảo: Nếu thế thì hiện ta cần sung chức Điện tọa Pháp Diễn, còn Nghĩa Hoài làm Tri khách.

Trong chúng đời sống rất kham khổ đạm bạc, Pháp Diễn làm Điện tọa phân chia thức ăn thật dè xén. Thấy thế, một hôm nhân Hòa thượng có việc hóa duyên đi khỏi, Pháp Diễn bày nấu một nồi cháo nêm bồi dưỡng tăng chúng.

Đang khi cháo vừa chín tới, cũng lại vừa lúc Hòa thượng vừa về, nhìn thấy có món cháo đặc biệt, Hòa thượng cho gọi Tri sự hỏi :

- Hôm nay chùa có đám giỗ chăng?

Tri sự thưa:

- Dạ không.

Hòa thượng hỏi:

- Vậy thì có phải đàn việt cúng không?

- Dạ không.

- Vậy ở đâu có cháo này ?

Tri sự thưa:

- Chính là Pháp Diễn.

Ngài gọi Pháp Diễn đến bảo:

Ông đã trộm lén lấy của chùa để được lòng tăng chúng, vậy hãy mau bán lấy y áo để đền lại và đi khỏi nơi này.

Pháp Diễn tha thiết cầu xin sám hối, Hòa thượng vẫn khăng khăng nhất quyết. Túng thế, Pháp Diễn bèn nhờ các vị lớn năn nỉ nói giúp.

Ngài Quy Tĩnh nói: ông là người chẳng tốt, dám cậy vào thế lực để uy hiếp ta, nếu vậy thì ông càng phải đi gấp.

Y áo đã bán để đền lại nồi cháo, Pháp Diễn rời khỏi chùa, nhưng xin phép, mỗi khi Hòa thượng thuyết pháp được tham dự. Pháp Diễn đi ở một hành lang ngôi chùa dưới núi, tuy thế, mỗi khi thấy Hòa thượng bất cứ nơi nào, Pháp Diễn đều thân tâm cung kính đánh lễ.

Một hôm Hòa thượng có việc xuống núi, đi ngang qua hành lang chùa thấy Pháp Diễn ở nơi đó tới hỏi:

- Ông ở đây có trả tiền phòng hay không?

Pháp Diễn thưa: không.

- Vậy ông hãy mau đi xin tiền về trả tiền phòng và đi nơi khác, nếu không ta sẽ đi báo quan.

Pháp Diễn bèn đi quyên trả và rời đi nơi khác, mặc dù vậy đối với Hòa thượng, Pháp Diễn vẫn một bề cung kính.

Ngài Quy Tĩnh trở về chùa bảo trong chúng:

- Dưới núi có Cổ Phật, các ông mang hương đèn mau đi rước.

Trong tăng chúng hãy còn ngờ ngạc.

Hòa thượng bảo:

- Chính là Cổ Phật Diễn ấy.

Người đã hàng phục tâm và an trụ tâm được như thế chính là Phật, Đức Phật này chẳng trọng thân thông biến hóa mà trọng “Tám gió¹ thổi chẳng động”, dù được thân thông mà mới bị một gió thổi hiu hiu đã động, nhà Thiền gọi là dã hồ tinh mị.

Lúc nhỏ, có lần tôi được nghe Hòa Thượng nói với chúng:

- Ai còn hay cãi vả là tu chưa giỏi.

Tôi lấy làm khó hiểu, vì tôi cho việc tu là tụng kinh ngồi Thiền giỏi, không ngủ gục, không nhút nhích, thì có liên quan gì đến việc cãi vả, nói không đúng thì phải cãi chớ! và giờ đây khá hơn một chút tôi đã hiểu! Chính cái đúng sai phải quấy mà mất hết đạo đức! Muốn đạo đức càng dày thì sức kham nhẫn phải càng lớn, kham nhẫn đến

1 Tám gió là:

- 1.- Khi có tiền của, hoặc do mình làm ra, hoặc được biếu tặng tâm có vui mừng chăng?
- 2.- Đang có tiền của mà làm ăn lỗ lã, hay bị trộm cướp, vua quan đoạt, hoặc oan gia phá tán tâm có buồn chăng?
- 3.- Người vô cớ làm nhục, tâm có buồn tức chăng?
- 4.- Được danh tiếng tốt đồn khắp gần xa có thấy hài lòng chăng?
- 5.- Được khen tâm có vui chăng?
- 6.- Bị chê trước mặt hay sau lưng, lòng có buồn chăng?
- 7.- Gặp cảnh khổ thiếu ăn thiếu mặc, nhà cửa hư hoại có thấy nao lòng chăng?
- 8.- Gặp cảnh thật vui, thật sung sướng, lòng có tham đắm chăng?

vô ngã vô nhân vô chúng sanh vô thọ giả, mới thật chăn trâu giỏi.

CHÁNH VĂN:

*Niệm trước vừa dấy lên,
niệm sau lại tiếp theo,
do giác cho nên thành chân,
bởi mê nhân đó thành vọng.*

*Chẳng riêng cho cảnh khởi,
chỉ là tự tâm sanh.*

Nắm chặt dây mũi chẳng lo nghĩ bàn.

LƯỢC GIẢI:

Trong tứ liệu giản của Ngài Lâm Tế, thì bức tranh gọi là “Đoạt nhân bất đoạt cảnh“, nghĩa là vì tâm sanh nên pháp sanh, tâm nếu không sanh thì pháp không chỗ trụ, hiểu vậy, chúng ta hết đồ thừa, tại thế này thế nọ nên tôi mới thế nọ thế kia, càng lý luận càng xa đạo, chỉ để thấy con trâu còn hoang tàn, đứng sai phải quấy còn hưng thịnh tức là tâm thiếu tỉnh giác, giống như người có bệnh tâm thần mất tự chủ mà chúng ta còn tay đôi cố gắng biện minh với họ thì ta cũng đồng loại với họ, muốn chứng minh mình không tâm

thần thì chỉ có làm tỉnh bỏ đi nơi khác, đó là thái độ của người tỉnh sáng.

Vua Lương võ Đế mời phó Đại Sĩ vào cung giảng Kinh Kim Cang, Ngài lên tòa ngồi, võ xuống bàn một cái, rồi bước xuống tòa. Võ Đế ngạc nhiên, Hòa thượng Chí Công hỏi:

- Bệ hạ có lãnh hội chăng ?

Vua đáp:

- Chẳng lãnh hội.

Chí Công bảo:

- Đại Sĩ đã giảng kinh xong.

Nếu thế thì không ngôn ngữ là đạo chăng? Nếu cho đó là đạo thì người cầm ngọn ắt đã thành vô thượng giác rồi chăng? Ngôn ngữ cũng chẳng phải, không ngôn ngữ cũng chẳng phải, chỉ người trong cảnh mới hay tự biết.

Đoạn này Hòa Thượng Hoàng Bá có bài kệ :

Ra khỏi trần lao việc chẳng thường

Đầu dây nắm chặt giữ lập trường

Nếu chẳng phải một phen sương lạnh buốt

Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương.

Người chăn trâu giỏi lúc nào cũng nắm chặt đầu dây, giữ lập trường là không để sáu trần làm lung lạc ý chí , được vậy không phải là việc tầm thường không trí não mà có thể làm được.

TỤNG RẰNG:

*Nắm chặt dây roi chằng lia thân
Ngại y chạy thẳng vào bụi trần
Chăm chăm giữ mãi thuần hòa đã
Dây mũi buông rồi vẫn theo gần.*

Một hôm Tề An Công đến hỏi đạo Ngài Bạch Vân
Nghĩa Đoan, Bạch Vân hỏi:

- Trâu đã thuần chưa?

Công thưa

- Đã thuần đã thuần.

Bạch Vân bèn mắng cho một trận. Công đỏ sắc mặt,
đang ngồi bèn đứng dậy khoanh tay.

Bạch Vân hỏi:

- Thuần chưa?

Công im lặng.

Bạch Vân liền nói:

- Trâu ở trong núi đủ nước đủ cỏ

Trâu ra khỏi núi chạm đông chạm tây.

“Đủ nước đủ cỏ” ngụ ý là khi được tiện nghi con trâu như hiền lành ngoan ngoãn, được trong cảnh thuận thấy như an lạc thanh thoát nhẹ nhàng, chúng ta nghĩ mình tu hay tu giỏi, nhưng khi ra khỏi núi trâu thiếu cỏ thiếu nước, thiếu tiện nghi. “Chạm đông chạm tây” nghĩa là con trâu trở nên hung hăng dữ tợn, cũng thế, muốn biết vàng thật hay giả cần phải thử lửa, muốn biết tu giỏi hay chưa cần thử với bát phong.

Thiền Sư Thạch Sương nói : “Ra khỏi cửa liền là cỏ!” nghĩa là vừa khởi niệm là mất chân tánh, huống nữa còn bàn ta người đúng sai là đã lúng sâu vào cỏ.



Tranh Số 6

Cỡi trâu về nhà



Âm:

Duy kỵ gia ngư

*Kỵ ngư dĩ lệ dục hoàn gia
Khương địch thanh thanh tống vãng hà
Nhật phách nhật ca vô hạn ý
Tri âm hà tất cố thần nha.*

Nghĩa:

Cỡi trâu về nhà

*Cỡi trâu thông thả trở về nhà
Sáo thổi vi vu tiễn chiều tà
Một nhịp một ca vô hạn ý
Tri âm nào phải động môi nha.*

Cõi trâu về nhà

*Sau tuyết mới biết sức từng lá
Việc khó mới thấy tâm trượng phu
Hôm nay hội được tình bản lai
Tình ấy cùng hiện giờ không khác.*

Từ Tâm thiền sư:

*Các ông thích tham thiền ư? phải buông bỏ hết.
Buông bỏ cái gì? buông bỏ từ đại ngũ uẩn, buông bỏ
những nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến nay. Nhìn
xuống gót chân mình suy cùng xét tận. Xem nó là
cái gì? Xét qua xét lại bỗng nhiên tâm hoa khai phát
chiếu sáng khắp cõi mười phương. Có thể nói được tại
tâm nằm trong tay, mới hay biến quả đất thành
vàng ròng, khuấy sông dài làm tồ lạo, thật khoái chí
thay!*

Chớ nên cầm đầu trên sách vở, xét lời bàn chữ,

nói thiên luận đạo, thiên đạo không có ở trên sách vở.

*Dù nhờ hết đại tạng kinh, thuộc lòng bách gia
chư tử cũng chỉ là luận bàn chơi suông, đến khi chết
trọn không lợi ích gì.*

Đến bức tranh này gọi là cõi trâu về nhà, trên đường về nhà, nhanh hay chậm tùy theo nghị lực, ý chí và sự quyết tâm của hành giả, trên đường đi nếu cứ ghé đây tấp kia, thấy đám nào hay không nở bỏ qua, thấy đúng sai nhào vô can thiệp, nếu thế thì con đường trở về xa diệu vợi, bởi thế, xa hay gần tùy mỗi người tự quyết định không có kẻ thứ hai. Kinh A Hàm Phật đưa một ví dụ như sau:

Như một người phạm tội bị án tử hình, sau đó nhà vua xét lại và tha anh với điều kiện – Nếu anh bung một đĩa đầy dầu, đi từ đầu đường đến cuối đường, không nghiêng đổ một giọt nào sẽ tha tội chết, nhưng nếu bất cẩn đĩa dầu chao đổ thì tên đao phủ đi sau liền chém đầu anh. Kẻ tử tù được tha tội với điều kiện như thế anh rất mừng và chấp nhận ngay.

Anh bắt đầu bung đĩa dầu rất chăm chú, không dám nhìn qua ngó lại, hai bên đường dù có hay dở, đẹp xấu, hay mọi thứ hấp dẫn anh cũng không quan tâm.

Với tâm trạng sợ hãi, anh không dám lơ lửng, đi từ đầu đường đến cuối đường, không rơi một giọt nào và anh được thoát chết.

Câu chuyện trên được Đức Phật ẩn dụ, người tu tập muốn có kết quả hãy như tinh thần câu chuyện, nếu luôn nhớ cái chết gần kề thì có lẽ chúng ta đã không phí thời gian cho những chuyện vẩn vơ vô ích.

Đã biết thế nhưng mấy khi chúng ta đủ sức để tự nhắc chính mình, một ngày nắng mười ngày mưa, một nhớ mười quên thế nên một đời lao nhọc! Tôi tự thương xót chính tôi.

Trong tranh này, hình ảnh chú mục đồng ngồi trên lưng trâu cầm ngang ống sáo đã quá nhàn hạ, con trâu

tượng trưng cho vọng tâm đã thuần phục hiền lành ngoan ngoãn, có thể trong chúng ta cũng có được những phút giây này, nếu vậy cũng đáng khen, những lúc thông thả thoải mái, đừng ai chọc ghẹo, không việc gì bức xúc thấy như thanh nhàn, nhưng công phu này chưa phải thật lực, muốn biết vàng thật hay giả cần phải thử lửa! Thế nên Thiền Sư Bạch Vân nói : “ Trâu ở trong núi đủ cỏ đủ nước, trâu ra khỏi núi chạm đông chạm tây”. Nghĩa là – Trong cảnh thuận êm ấm vừa ý thấy như hiền lành đạo đức, nhưng nếu những thứ ấy bị mất đi mới rõ trắng đen vàng thau hư thực.

Có câu chuyện tên “Bà chủ hiền thực” – Trong xóm làng mọi người đều kháo nhau về một bà chủ giàu có đức độ không ai hơn, tiếng tốt bay xa, bà rất hài lòng về chính con người của mình cũng như gia nghiệp bà đang sở hữu. Trong nhà có cô tớ gái giỏi giang quán xuyến mọi việc hết lòng phục vụ chủ mình với lòng trung thành – Cô cũng có một đời sống êm ả bình lặng cam chịu số phận, tuy vậy, cô lại có một đầu óc khá bén nhạy để hiểu được ý chủ trước lời nói.

Danh thơm tiếng tốt về bà chủ hiền thực lần hồi cũng đến tai cô, tự cô suy nghĩ – bà chủ được gọi là hiền thực ấy có phải chẳng mọi việc đều được như ý, phải chăng chính cô đã lo toan hết để Bà được nhàn hạ, phải chăng... phải chăng...

Nếu vậy hãy để ta thử xem.

Ngày đầu tiên, buổi sáng cô thức dậy trễ, nhìn thấy bà chủ không vui nhưng còn giữ được nét mặt bình tĩnh.

Ngày thứ hai, cô cũng thức dậy trễ, bà bực bội ra mặt nhưng vẫn cố gắng kềm chế không phát ra lời nói.

Ngày thứ ba, cô thức dậy trễ hơn mọi ngày, bà chủ bây giờ không thể kèm chế con nóng giận đã quát tháo, miệng chửi tay đánh. Và xóm làng lại bắt đầu kháo nhau về bà chủ ác độc, đánh đập đầy tớ.

Thế đó, trâu đủ cỏ đủ nước thấy như hiền lành, khi những tiện nghi không còn, thánh hay phạm mới hiện nguyên hình.

Người tu tập hãy đo lường mình trong nghịch cảnh trong bát phong thật chín chắn mới có thể chống lại sanh tử, mới gọi là công phu chắc thật, làm sao được vậy? Thiền Sư Tử Tâm nói: “Phải buông bỏ hết, buông bỏ cái gì? Buông bỏ tứ đại ngũ uẩn, buông bỏ những nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến nay“. Nếu không thế ấy thì tu đến Phật Di Lặc ra đời cũng chưa kết quả.

Chúng ta thấy dọc thời gian lịch sử – Chư Phật, Bồ tát các bậc Thánh hiền, không vị nào giác ngộ mà thấy thân tâm là thật được hết, có câu chuyện như sau:

Thiền Sư Đạo Ngộ Thiên Vương, có ông Tiết sử họ Lu đến phỏng vấn sư, sư không đáp lễ. Tiết sử nổi nóng bắt sư đem ném xuống sông mà thần tình sư bất động. Tiết sử về đến nhà, thấy khắp nhà đều phát lửa, lại nghe trong hư không có tiếng quở trách của Thần Thiên Vương, Tiết sử lễ tạ xin sám hối, phút chốc lửa tắt, nhà cửa vẫn nguyên vẹn. Tiết sử đích thân đến bờ sông rước sư, thấy sư ở trong nước mà không ướt áo, ông càng thêm quý kính.

Như thế đó, chúng ta hãy nghiệm lại chính mình trong những lúc gian nan nguy khó, nếu không chỉ là nói suông, nhưng đạo lý không cho phép chúng ta nói suông mà phải thực hành cho được thì Phật pháp mới trở nên cao quý.

Trong các cảnh thuận nghịch, tâm vẫn thản nhiên tự tại thì mới có phần trong bức tranh này – CỐI TRÂU VỀ NHÀ.

CHÁNH VĂN:

*Chiến tranh đã hết,
được mắt trở về không.
Hát bài ca thôn dã của ông tiều,
thổi khúc nhạc đồng quê của chú mục đồng.
Ngồi ngang trên lưng trâu
mắt nhìn trời mây,
kêu gọi chẳng quay đầu,
bảo giữ cũng chẳng đứng lại.*

LƯỢC GIẢI:

Công phu đến đây không còn nghi ngờ làm lẫn đã khá an ổn rồi nên nói “chiến tranh đã hết”. Tâm bình thế giới bình hay tâm sanh pháp sanh, tâm diệt pháp diệt là giai đoạn này.

Cảnh hai bên đường vẫn có, nhưng trâu bây giờ

không thềm quay đầu, dù có kêu gọi cũng không đứng lại, nghĩa là, được mất, hơn thua, đúng sai, tốt xấu, ta người, thịnh suy... không còn quan hệ. Làm thế nào để được vậy? Thân không, tâm không, cảnh không, ngã không, pháp không, đây là giấc mơ tuyệt đẹp mà tôi đang mơ, hằng nhớ, hằng sống với tâm thể thanh tịnh như thấp đèn thì bóng tối tự tiêu diệt không cần làm thêm gì nữa.

Giai đoạn này như nước được lắng trong, nhưng phần cặn bã chưa được lọc bỏ, nếu lấy tay khuấy lên nước sẽ đục trở lại, vì thế trong hình vẽ chú mục đồng vẫn phải ngồi trên lưng trâu, tuy không còn canh chừng như trước nhưng chưa dám thả trâu một mình.

Đến đây tâm hết lang thang dong ruổi, không còn thọ khổ thọ vui hằng tỉnh sáng, chúng ta mới biết đạo lý thật thanh cao, dù thân thông biến hóa cũng chỉ làm vẫn đục tâm mình so với khoảng này hoàn toàn không giao thiệp.

Có vị tăng hỏi Thiền Sư Cự Tuân ở Lang Nha:

- Người xưa được cái gì liền thôi dứt.
- Như giặc vào nhà trống.

Thật thích thú! Tâm nếu hằng tỉnh giác, thì dù trăm ma phiền não đến cũng đành rút lui, vậy hãy nhớ, vì bên trong còn ồn ào tạp nhạp thì bên ngoài mới khiêu chiến được; như giặc cướp vào nhà trống, dù như tâm vọng, tuy đi cướp là tuy có cảnh nhưng chẳng được gì, cũng vậy, tâm nếu không vọng khởi, thì cảnh chẳng làm gì được, như con quạ mổ hòn đá, chỉ nhọc nhằn rồi bỏ đi.

Kinh A Hàm có ghi lại câu chuyện như sau:

Khi ấy Thế Tôn ở bên bờ sông Neranjara dưới cây

Nigrodha Ajapāla khi Ngài mới giác ngộ. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời trong bóng đêm và trời đang mưa từng hạt.

Rồi ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi hoảng sợ lông tóc dựng ngược, liền biến hình thành con voi chúa to lớn và đi đến Thế Tôn.

Và đầu con voi ví như hòn đá đen lớn, ngà của nó ví như bạc trắng tinh, vòi ví như đầu cái cày lớn.

Thế Tôn biết được “đây là ác ma” liền nói bài kệ cho ác ma:

Ngươi luân hồi dài dài, hình thức tịnh bất tịnh

Thôi vừa rồi ác ma, ngươi đã bị bại trận.

Rồi ác ma biết được “Thế Tôn biết ta, Thiện Thệ biết ta” buồn khổ, thất vọng, ác ma liền biến mất tại chỗ ấy.

Chúng ta thấy, bằng cách nào Ngài thắng được ác ma? Có tri chú không? Có bắt ấn êm bùa chãng? Có vũ khí gì? Có sức mạnh gì? Hay là trước sự khùng bố thách thức của ác ma, Thế Tôn chỉ nhận rõ và nhẹ nhàng bảo “Thôi vừa rồi ác ma, ngươi đã bị bại trận”. Thế là ác ma thất bại rút lui, Ngài thắng một cách an lành.

Như vậy, đối với ma bên trong là vọng tưởng phiền não, và ác ma bên ngoài, muốn hàng phục nó chỉ cần định tĩnh nhận rõ, điểm mặt là ma tự lui, cũng chính là câu “Biết vọng không theo” là tông chỉ hiện nay. Cũng như người chủ nhà, nếu khôn ngoan sáng suốt thì người ngoài không dám làm gì; Còn nếu người chủ nhà khờ khạo mê muội thì người ngoài mới dám vào khuấy phá.

TỤNG RẰNG:

*Vén đường trâu cõi trở về nhà
 Sao thổi vi vu tiễn chiều tà
 Một nhịp một ca vô hạn ý
 Tri âm nào phải động môi nha.*

LƯỢC GIẢI:

Bốn câu tụng nói lên sự thành thoi nhàn hạ, hết ngày thì mọi việc cũng hoàn tất; người tu tập đến khoảng này đã biết hàng ma một cách điều luyện tinh xảo.

Kinh Pháp Hoa có bốn phần là khai, thị, ngộ, nhập
 Tri kiến Phật.

Từ phẩm thứ hai mươi ba trở về sau thuộc phần Nhập
 Tri Kiến.

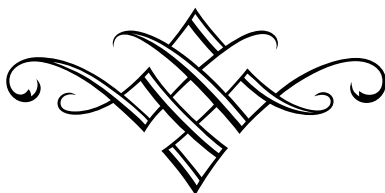
Phẩm hai mươi ba là Dược vương Bồ tát bốn sự là
 phá sắc âm.

Phẩm hai mươi bốn là Diệu âm Bồ tát là phá thọ âm.

Phẩm hai mươi lăm là Quán thế âm Bồ tát Phổ môn
 là phá tướng âm. Bức tranh này là “Cõi trâu về nhà”, nghĩa
 là trâu không còn lang thang đồng nghĩa với tâm khi không
 còn theo vọng tưởng, hoặc đã làm chủ được vọng tưởng tức
 là tương đương phẩm hai mươi lăm là phá tướng âm trong
 kinh Pháp Hoa là bồ tát ở địa vị thứ năm và thứ sáu trong
 mười địa vị bồ tát.

Tiến trình của tranh chăn trâu giúp hành giả biết chỗ

hướng đến để cố gắng không mệt mỏi nhằm chán.



Tranh Số 7

Quên trâu còn người



Âm:

Vong ngưi tòn nhàn

*Kỵ ngưi dĩ đắc đáo gia san
Ngưi dĩ không hề nhàn dĩ nhàn
Không nhật tam canh du tác mộng
Tiên thằng không đồn thảo đường gian.*

Nghĩa:

Quên trâu còn người

*Cỡi trâu về đến tận nhà rồi
Trâu không người cũng thật thành thời
Trời đã lên cao còn say giấc
Ném trong nhà cỏ bỏ dây roi.*

Quên trâu còn người

Cổ ngữm:

*Giữa trời làm nhàn khách
 Trong người làm tăng quê
 Cười ta ai đó mặc
 Hồn nhiên tự nhẹ bay.*

Hòa Thượng Vô Nghiệp:

“Người xưa sau khi đạt ý rồi, thì ở nhà tranh, thất đá, trong cái đình gầy chân nấu cơm ăn, trải qua hai ba mươi năm, danh lợi chẳng màng, của cải vật chất chẳng dính niệm, quên hết người đời, ẩn dấu nơi núi cao rừng thẳm, vua gọi chẳng đến, chư hầu mời chẳng tới, trong lòng ý ngoài quên duyên, mà chuyên rỗng nơi chí đạo”.

Ngài Huyền Giác:

*“Thân nghèo đạo chẳng nghèo
Nghèo vì thân thường mặc áo vá
Đạo là tâm đầy châu báu đeo”.*

Đến tranh này gọi là “Quên trâu còn người”, tức là hành giả không còn vọng tưởng chỉ một tâm thanh tịnh hiện tiền, chúng ta thấy một tiến trình thật chặt chẽ, ở tranh số 6 là trên đường về nhà, hành giả đã lần lượt xả bỏ vọng tâm, tâm không duyên theo cảnh, dù có gọi, có mời mọc vẫn chẳng quay đầu, nếu vậy chúng ta có thể tự đo lường chính mình đang ở khoảng nào. Đúng sai phải quấy . . . mời gọi có quay đầu không? Nếu sức hấp dẫn ấy vẫn nồng nhiệt thì từ tranh này về sau chúng ta chỉ có thể mừng tượng để hiểu chứ chưa thật thấy bằng kinh nghiệm thật chứng, tuy nhiên, cho dù bát phong quật ngã, tôi vẫn yêu thích cuộc đời vì tôi sống có lý tưởng có mục tiêu hướng tới, xin tri ân cuộc đời đã cho tôi thật nhiều.

Ngài Trần Nhân Tông có bài thơ cảm hứng khi ở núi:
 Ai trói buộc lại mong cầu giải thoát
 Không phạm nào phải kiếm thần tiên
 Vượn nhàn, ngựa mỏi, người đã lão
 Như cũ vẫn trang một giường thiền.

Bài thơ đã nói lên công phu tu tập đến được tranh này: - vượn nhàn là con khỉ ý thức đã ngưng nghĩ không còn hoạt động; ngựa mỏi: nên đã được nghỉ ngơi hết vượt suối băng rừng; người đã già nua là trạng thái được nghỉ ngơi thanh thản khi đã dừng lại các biến cố cuộc đời .

Trong hình vẽ không còn trâu chỉ còn lại chú mục đồng, nghĩa là tâm không dính không chạy theo ngoại cảnh, chỉ còn một thể thanh tịnh rỗng rang, không còn tạp niệm loạn động, tâm và cảnh đã nhất như, chư Thiên Sư hay

dùng từ “Lộ vắng người thừa“ gồm cả hai ý: một là: vì chỗ này ít người đến được nên “thừa và vắng“; hai là - đến đây tâm ý thức phân biệt không còn nữa, chỉ là “độc hành, độc bộ“ nghĩa là chỉ còn mỗi chú mục đồng “đường vắng người thừa” là ngụ ý này.

Người tu tập đến công phu này là đã vào hàng Thánh, tâm đã hoàn toàn thanh tịnh lặng lẽ không tạp loạn cấu bần, vì thế, nếu người khoe khoang biết quá khứ, vị lai, tha tâm thông. . . tức là cấu bần, là Thánh giả hiệu, bởi người tu chân chính thì ẩn dật, kín đáo cốt yếu để tròn công hạnh của mình, như Ngài Huyền Giác nói: “Thân nghèo đạo chẳng nghèo, nghèo vì thân thường mặc áo vá“, các Ngài hiện thân rất bình dị, không phô trương khoe khoang, nên bài tụng cổ nói: “Trong người làm tăng quê“, thấy các Ngài như không có tài, không giỏi, không có gì nổi bật nhưng tâm hồn thanh cao trong sáng như “Trăng ra khỏi mây”.

CHÁNH VĂN:

*Pháp không có hai pháp,
trâu gọi là tâm,
Dụ tên khác của thổ bầy,
bầy sai biệt của cá nôm.
Như vàng ra khỏi khoáng,*

*tạ trắng ra khỏi mây,
 Một đường sáng lạnh,
 ngoài kiếp Oai Âm.*

LƯỢC GIẢI:

Oai Âm là tên một vị Phật, Đức Phật này ra đời khi chưa có tên Phật và chúng sanh, ẩn dụ rằng, khi tâm chưa sanh khởi phân biệt thấy hai; Đức Phật này tương đương trạng thái ở đầu tâm, hăng lạng lẽ mà chiếu soi, như là giai đoạn của bức tranh này, vì thế dễ lầm nhận rằng đến đây đã thành Phật rồi.

Chính vì tâm hăng thanh tịnh nên không thấy có pháp khác, chỉ là tâm, như khi chiêm bao thấy đủ thứ lạng xăng, thức giấc chỉ là trên giường nằm mà thôi, nên kinh Lăng Nghiêm có câu: “Một người trở về nguồn chơn, đại địa không còn tất đất” là vậy.

Cái bẫy dùng để bắt thỏ, được thỏ phải bỏ bẫy; muốn bắt cá thì phải dùng nơm, được cá cần quên nơm. Cũng thế, dù có trâu khi tâm còn rong ruổi lang thang, khi tâm đã an trụ thì đâu dùng trâu nữa làm gì, vì thế, trong tranh chỉ còn chú mục đồng dụ cho tâm chơn như, như vàng đã được tinh tuyền không còn đất cát nữa.

Tụng rằng:

*Cời trâu về đến tận nhà rồi.
 Trâu không người cũng thật thành thoi
 Trời đã lên cao còn say giấc
 Ném trong nhà cỏ bỏ dây roi.*

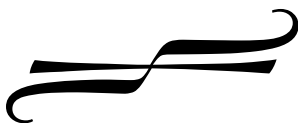
Lược Giải:

Giai đoạn này nhà Thiền gọi là “Vô công dụng hạnh” hay “Vô công dụng đạo”, nghĩa là không còn dụng công nữa, tâm đã thành khối rắn chắc, không gì có thể phá vỡ được, thật tuyệt đẹp, tôi sẽ cố gắng quyết tâm làm trong đời này!

Đến đây xem như phần tự độ đã xong, dây và roi không dùng nữa, nên chú mục đồng trời lên cao vẫn còn say giấc, sự thanh thoi an nhàn nên Chư Thiền Đức mới bảo “Tùy duyên tiêu cự nghiệp, hồn nhiên mặc áo xiêm”. Sống tùy duyên và tiêu dần các thói quen tập nghiệp cũ, sống hồn nhiên như khi mặc áo chẳng suy nghĩ toan tính gì cả. Thích thú quá!

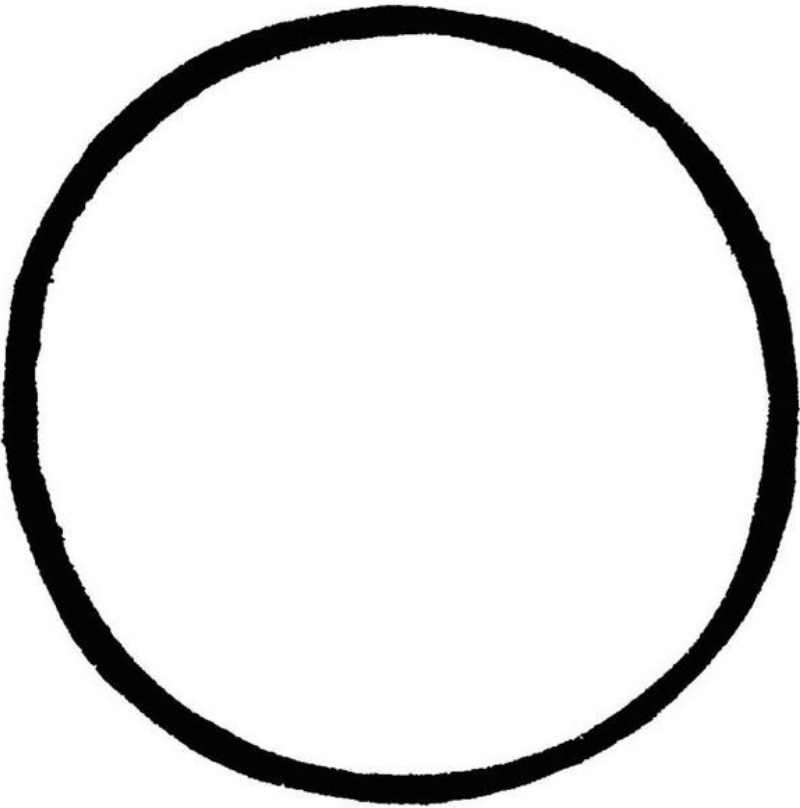
Đạo lý thật bình dị nhưng cao siêu thế đó, tiếc cho người đời chẳng hay chẳng biết, thật không biết sao hơn, tôi cũng sẽ cố gắng hết phần mình, ngưỡng nguyện chánh pháp mãi lưu truyền, người người đều được hưởng vị ngọt cam lồ.

Chúng ta thấy tinh thần đạo Phật thật trong sáng, không thể mơ hồ huyền hoặc trên trời trên mây, tu tập chỉ để thanh lọc tâm đến chỗ thuần khiết tinh tế nhất, sống trong đời mà không nhiễm nhơ thì còn gì cao quý cho bằng! Vậy còn câu về Cự Lạc làm gì?



Tranh Số 8

Người trâu đều quên



Âm:

Nhân ngưi cầu vông

*Tiên sách nhân ngưi tận thuộc không
Bích thiên liêu quách tin nan thông
Không lò diễm thượng tranh dung tuyết
Đào thử phương năng hiệp Tô Tông.*

Nghĩa:

Người trâu roi gãy trọn về không

*Thăm thăm trời xanh tin khó thông
Lửa rục lò hồng đầu chứa tuyết
Đền đây mới thật hợp Tô Tông.*

Người trâu đều quên

Tổ Huệ Năng:

- Bỏ lại vô nhất vật

Lưu nay không một vật

- Hà kỳ tự tánh bản lai thanh tịnh

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh

Thiền Sư Pháp Diễn:

Ta có một vật chẳng thuộc phàm, chẳng thuộc thánh; chẳng thuộc tà, chẳng thuộc chánh, muôn việc khi đến tự nhiên hiệu lệnh:

Lục Tổ:

Ta có một vật không đầu, không đuôi, không tên, không họ, để các người là vật gì.

Trong tranh là vòng tròn trống không, đó là lý đương nhiên, vì hoa đốm không thể kết quả trong hư không được, hoa đốm là mắt có bệnh, chứ hư không vốn không có hoa, cũng thế, do mê lầm nên có ngã có pháp, khi tỏ ngộ thấy các pháp không thật thì đương nhiên ngã cũng không thật, vì ngã cũng là một pháp.

Ngài Động Sơn hỏi Hòa Thượng Long Sơn:

- Hòa Thượng được đạo lý gì về ở núi này?

Hòa Thượng Long Sơn đáp:

- Ta thấy hai con trâu đất hút nhau nhào xuống biển, thẳng đến nay bật hết tin tức. Hai con trâu là chủ và khách, vọng tâm và chân tâm, ngã và pháp, hai đã không thì cũng chẳng nói một, phạm tình hết cũng không có thánh giải, nên biểu tượng bằng vòng tròn trống không.

Có vị Tăng đến hỏi Thiền Sư Thanh Khoát:

- Khi nhà nghèo mà gặp giặc cướp thì sao?

Sư đáp:

- Không thể lấy hết.

Nghĩa là: nhà giàu có của mới bị lấy; và cho dù bị cướp lấy đi thì dù sao vẫn còn chủ nhà để truy hô lên, nên nói “không thể lấy hết”.

Tăng hỏi:

- Vì sao không thể lấy hết.

Sư đáp :

- Vì giặc là kẻ thân trong nhà.

Nghĩa là: thường những người vào được nhà mình là những người quen mới biết hết ngõ ngách trong nhà. Giặc tượng trưng cho vọng tưởng, vọng tưởng từ mình sanh khởi

nên nói là kẻ thân trong nhà.

Tăng lại hỏi:

- Đã là người thân trong nhà tại sao trở thành giặc?

Sư đáp:

- Trong đã không ứng thì ngoài không làm gì được.

Nếu bên trong không khởi niệm, thì dù trần cảnh bên ngoài có đến cũng không làm gì được, tức là phải có nội ứng, có kẻ tiếp tay cho giặc, nếu cứ một bề kháng cự thì giặc phải lui.

Tăng lại hỏi:

- Chợt khi bắt được thì sao?

Khi bắt được giặc thì sao?

Sư đáp:

- Trong ngoài đều bắt tin.

Vì chủ nhà và cướp đều là người thân trong nhà nên nói “bắt tin“. Vì không phải là hai.

Vì Tăng hỏi tiếp:

- Khi bắt được công về đâu?

Khi hết vọng tưởng công về phần ai?

Ngài đáp:

- Thường cũng chưa từng nhận.

Vì chủ nhà và giặc là kẻ thân trong một nhà không phải bên ngoài vào nên nói không có thưởng.

Ông Tăng hỏi tiếp:

- Thế ấy thì nhọc mà không công?

Câu hỏi thật thông minh, tức là ra công mà chẳng được gì, tượng trưng bằng vòng tròn trống không, tu hành miệt mài khổ cực, cuối cùng chẳng có gì hay sao?

Sư đáp:

- Công thì chẳng không, nhưng thành mà không ở.

Như Ngài Huyền Giác nói: Tu chứng thì chẳng không, nhưng niêm ô chẳng thể được. (Như lau gương, tuy có bụi bám, nhưng tính chất sáng soi là bản thể sẵn có của gương, nên nói niêm ô chẳng thể được hay “Thành mà không cho ở”,) nếu có ở tức là gương vẫn còn bụi, không trụ không bám công ấy mới hoàn toàn viên mãn.

Ông tăng lại hỏi thêm:

- Đã thành công tại sao không ở ?

Nghĩa là: hết giặc rồi, tại sao không hưởng?

- Sư đáp:

Chẳng thấy nói: “Thái bình do tướng quân đem lại, mà chẳng cho tướng quân hưởng thái bình”.

Khi có giặc thì mới cần tướng quân, có giặc thì tướng quân mới ra oai, hết giặc tướng quân chẳng dùng kiếm làm gì, hết giặc mà vẫn múa kiếm là vô ích, là chuyện không đâu. Thế nên, tượng trưng vòng tròn trống không là khi hết vọng tướng thì người chấn cũng không còn đó là điều hiển nhiên.

Vì thế, Đức Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật” xưa nay không một vật, vọng tướng khởi lên từ mình, dẹp bỏ cũng từ mình, nên chư Tổ bảo: “Lừa dối nhau”, như hoa đốm chẳng sanh chẳng diệt, nói có sanh diệt cũng chỉ là hư không.

Nhưng nhà Thiền gọi vòng tròn này “nước chết không chứa được rồng” nghĩa là con rồng nó không sống ở nước ao tù cũng như tâm là chỗ rỗng rang thanh tịnh, linh hoạt chứ không phải là lặng lẽ im lìm. Hay nói “vô tâm còn cách một lớp rào”, chưa phải là mục tiêu cứu cánh của đạo và sẽ bàn ở tranh kế tiếp.

CHÁNH VĂN:

*Phàm tình rơi rớt sạch,
 Thánh ý thấy đều không.
 Chỗ có Phật cũng chẳng dừng ở,
 chỗ không Phật chạy qua nhanh.
 Chẳng kẹt ở hai đầu,
 ngàn Thánh khó nhìn thấy.
 Trăm chim ngậm hoa, một phen hốt thẹn.*

LƯỢC GIẢI :

Thiền Sư Pháp Diễn là một Thiền Sư nổi tiếng đời Đường Trung Hoa, Ngài nói rằng: “Ta có một vật chẳng thuộc Phàm, chẳng thuộc Thánh, chẳng thuộc tà, chẳng thuộc chánh, muôn việc khi đến tự nhiên hiệu lệnh”.

Nhờ có học có nghiên cứu chúng ta mới có thể hiểu chỗ đến của các Ngài, lời của Ngài Pháp Diễn hay Lục Tổ nói rằng: “Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, đó các ngươi là vật gì ?” là ở bức tranh này.

Đến đây tình Phàm hết Thánh giải cũng không, nếu còn Thánh giải cũng như “mạc vàng trong con mắt” vẫn

làm xốn xan.

Chỗ có Phật và không Phật đều phải vượt qua, không kẹt ở có và không, vì ở tranh số sáu, mời gọi dù là Phật vẫn không quay đầu, hễ qua được cổng rồi cứ đi thẳng không còn e dè ngập ngừng nữa.

Trăm chim ngậm hoa là sự tích Ngài Nguru Đầu Pháp Dung, Ngài tu thiền trong rừng sâu, do quán từ bi, cảm đến các loài chim thương mến, trong khi Ngài nhập định không có thức ăn, chim muôn ngậm hoa trái đến cúng dường.

Đến khi gặp Tứ Tổ Đạo Tín khai thị cho bỏ hết kiến chấp, Ngài Nguru Đầu tu tập tinh tiến trong một thời gian thì chim hết ngậm hoa đến cúng dường.

Đây là chỗ lưu ý của người tu tập theo Thiền Tông, nếu sức tu tập cảm đến các loài thú, được chư thiên cúng dường, theo thế thường chúng ta cho là hay và nể phục, nhưng theo Thiền Tông thì đây vẫn còn niệm vẫn còn quán tức còn kiến giải, còn kiến giải tức còn ngã, còn ngã tức còn pháp, chưa phải là cứu cánh nên chánh văn nói “một phen hổ thẹn”.

TỤNG RẰNG:

*Người trâu voi gay trọn về không
Thăm thăm trời xanh tin khó thông,
Lửa rực lò hồng đầu chứa tuyết*

Đến đây mới thật hợp Tô Tông.

LƯỢC GIẢI:

Bài tụng ý nói người tu tập đến đây không còn dấu vết nên nói “tin tức khó thông”, sạch tình phàm hết Thánh giải như lò lửa thì không thể chứa băng tuyết, như vậy mới hợp với chư Phật chư Tổ. Đây gọi là vòng tròn viên giác, sự giác ngộ không còn khiếm khuyết tượng trưng như vòng tròn.

Thế nhưng, kinh Kim Cang Phật bảo: “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm“, không chỗ trụ nhưng chẳng cho rơi vào không, không mắc tình phàm, không trụ Thánh giải tức là vô tâm, nếu vô tâm thì chưa hợp với lời Phật lời kinh, vì thế phải đến bức tranh số chín.

Những lời nói của nhà Thiền hoặc các thủ thuật của chư Thiền Sư chủ yếu đưa hành giả đến thẳng khoảng đất này nên nói: “Thấy thì liền thấy , suy nghĩ liền sai“ , không kẹt tình phàm, chẳng mắc Thánh giải cũng chính là trọng tâm của giáo lý kinh điển như kinh Kim Cang “Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”.

Thiền Sư Nham Đầu đến tham vấn Đức Sơn, vừa vào cửa phương trượng, sư đứng nghiêng mình hỏi: “Là Phàm, là Thánh”. Đức Sơn hét ! Sư lễ bái. Ai thấu qua cửa này khả dĩ mới thấy được chỗ kỳ tuyệt của Thiền Tông cũng như thấy được chỗ cao siêu của đạo “Ngoài ngôn thuyết”.

Công án “Uống trà” của Hòa Thượng Triệu Châu thật bất hủ, người đến hỏi đạo Ngài chỉ nói “Uống trà đi“. Là Phàm? Là Thánh? Quả là tiếng rống của sư tử! Tôi phàm phu ngu si thật không đủ lời để ca ngợi các Ngài!

Ngài Huệ Nam Hoàng Long, có người đến hỏi đạo, Ngài duỗi chân ra nói:

- Chân tôi sao giống chân lừa.

Thiền khách đang ngỡ ngàng, Ngài lại nói:

- Tay tôi sao giống tay Phật.

Cứ thế ba mươi năm không người lãnh hội.

Tông chỉ nhà Thiền thật cao vót! Những lời nói của các Ngài như vô vị, nhưng không ngờ chính đó là vô thượng vị, vậy bức tranh này có thể nói chính là “Tâm Yêu nhà Thiền”.

Tuy nhiên vẫn chưa được gọi là viên mãn nên nói đây là “Đầu sào trăm trượng“ cần phải vượt qua, hay nói “Vô tâm còn cách một lớp rào”.

Tóm lại, qua bức tranh này chúng ta thấy được chỗ kỳ đặc của nhà Thiền cũng như chỗ siêu thoát của đạo, thông thường trong tu tập thì phải nhớ Phật tưởng Phật, có đáng tối thượng để hướng tới nhưng đây nói chỗ có Phật không được dừng ở, không phàm không thánh không không, không mà chẳng không mới hợp với tổ tông.

Tranh Số 9

Trở về nguồn cội



Âm:

Phản bốn hoàn nguyên

*Phản bốn hoàn nguyên dĩ phí công
Tranh như trực hạ nhược mạnh lung
Am trung bất kiến am tiền vật
Thủy tự mang mang hoa tự hồng.*

Nghĩa:

Trở về nguồn cội

*Trở về nguồn cội đã phí công
Như mà như điếc đày hơn không?
Trong am chẳng thấy ngoài am vật
Nước tự mênh mông hoa tự hồng.*

Trở về nguồn cội

Núi tự núi

Mây tự mây

Tròn đồng thái hư

Không thiếu không dư.

Trong kinh Đức Phật có nói đến:

“Hạnh Anh Nhi”

Anh : trong sạch, tinh anh, trong sáng ...

Nhi : nhi đồng, trẻ thơ, bé nhỏ ...

Hai đứa trẻ chơi chung, gây lộn, đánh nhau, khóc la vừa dứt liền chơi lại, không hận thù, không trả thù, không hơn thua, không đúng sai, không tự ái, không buồn phiền, ...

Đây chính là tinh thần “vô phân biệt” của giáo

lý nhà Phật.

Vua Lý Thánh Tông hỏi Thiền lão Thiền

sư:

- Hòa thượng ở núi này làm gì ?

Thiền lão Thiền sư đáp :

- Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Tranh này còn có tên là “Nhập Phật giới”.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tánh Khởi có đoạn: “Khi Phật vừa thành chánh đẳng chánh giác, Ngài thốt lên rằng: Lạ thay! Lạ thay! Tại sao chúng sanh ở trong thân có đầy đủ trí tuệ Như lai mà không tự thấy biết? Ta phải dạy cho chúng sanh ấy giác ngộ Thánh đạo, để chúng lia hẳn sự trói buộc của vọng tưởng điên đảo, thấy đầy đủ được trí tuệ Như lai ở trong thân họ cùng với Phật không khác“. Chư Tổ đã nắm ngay mấu chốt này dựng lập tông chỉ - đó là: mỗi người có sẵn tánh Phật, đánh thức họ, nhận ra Phật ở ngay nơi thân chúng sanh như đoạn sau đây:

Ngài Linh Huấn hỏi Hòa Thượng Quy Tông:

- Thế nào là Phật ?

Quy Tông bảo:

- Ta nói cho ông nhưng ông có tin chẳng?

Linh Huấn thưa:

- Lời chân thật của Hòa Thượng con đâu dám chẳng tin.

Quy Tông bảo:

- Chính là ông đó!

Nơi sáu giác quan luôn hiển hiện tánh Phật, đừng để tình thức xen vào, chính đó là phải, nhưng ngại nỗi - người tin chẳng tới hay không dám tin, vì thế lang thang khắp nẻo luân hồi.

Tuy nói “Nhập Phật giới” nhưng chẳng có gì xa lạ chỉ là chính mình hiện nay! Tổ Bồ Đề Đạt Ma trong Huyền mạch luận nói: “Tâm lượng rộng lớn, ứng dụng không

cùng, ứng nơi mắt thấy sắc, ứng nơi tai nghe tiếng, ứng nơi mũi ngửi mùi, ứng lưỡi nếm vị, cho đến mọi cử chỉ hành động đều là tự tâm, ở trong tất cả thời chỉ dứt đường ngôn ngữ, chỉ là tự tâm“.

Hoa đốm có sanh có diệt, hư không không thêm không bớt, nên nói: “Bản nhiên thanh tịnh“ trong Kinh Lăng Nghiêm.

“Nên không chỗ trụ mà sanh tâm” là đặc điểm của tranh này, không chỗ trụ, chứ không phải trống không, không mà chẳng không; “rõ ràng thường biết nói không thể đến“ của Tổ Huệ Khả.

CHÁNH VĂN:

*Xưa nay vốn thanh tịnh chẳng nhận mây bụi,
xem sự tươi khô của cỏ tường,
ở nơi ngưng lặng của vô vi.
Chẳng đồng với huyễn hóa đâu nhờ tu trì.
Nước biếc non xanh ngồi xem sự thành bại.*

LƯỢC GIẢI:

Xưa nay vốn thanh tịnh chẳng nhận mây bụi, vẫn biết

thế, nhưng chúng ta hãy nghe Thiền Sư Hân ở Dũng Tuyền bảo:

“Ta bốn mươi năm tại chỗ này còn có chạy lụt, các ông chớ mở miệng to. Kẻ kiến giải thì nhiều, người hạnh giải thì trong muôn người mới có một“.

Ngài dụng công đắc lực trong bốn mươi năm, “tại chỗ này“ là chỗ nào? nghĩa là đã nhận ra và đã sống được hằng tỉnh giác hằng chiếu soi, thế nhưng thỉnh thoảng vẫn còn có chỗ thừa hở còn rơi rớt, vì thế chúng ta chớ vội vàng nói theo “xưa nay vốn thanh tịnh“, người hiểu biết thì rất nhiều, và người làm được các hiểu biết ấy rất hiếm hoi.

Sự tươi khô của có tướng tức là các pháp sanh diệt.

Ngưng lặng của vô vi là các pháp không sanh diệt.

Sanh diệt hay bất sanh diệt hai cái chẳng tương quan, không thể lấy cái này trừ khử cái kia, nên nói chẳng đồng huyền hóa đâu nhờ phải tu mới thành nên Kinh hoa Nghiêm Đức Phật nói: “Chúng sanh thành Phật từ vô lượng kiếp” là vậy. Tuy nhiên Hòa Thượng Tử Tâm ở Hoàng Long nói: “Nếu còn một mảy may nghi ngờ là chưa đến hàng vô học, đâu thể tự do tung hoành xoay trời chuyển đất được“.

Nước biếc non xanh: Sự thay đổi ở thế gian, ta an nhiên ngồi xem không bị chi phối; đến đây mỗi cái ở bản vị của nó “Núi sông là núi sông” chẳng nói sắc chẳng nói không, lạ quá! Tu một hồi trở về chỗ cũ, chính vì thế nên tranh này có tên là “Trở về nguồn cội“.

TỤNG RẰNG:

*Trở về nguồn cội đã phí công
 Như mù như điếc đày hơn không?
 Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
 Nước tự mênh mông hoa tự hồng.*

LƯỢC GIẢI:

Chỗ này Tô Hoàng Bá nói: “Giả sử có người tinh tấn tu hành trải qua vô số kiếp, qua hết các địa vị (thập tín, thập trụ ...) cùng với người do một niệm mà chứng được, cũng chỉ là chứng cái sẵn có. Kỳ thật, trên cái thật của chính mình không có thêm một cái gì khác, xem lại công phu nhiều kiếp điều là việc làm trong mộng“.

Quả thật là thế! Xét lại từ khi tu tập đến nay không thêm một cái gì khác, chỉ buông xả phiền não chấp trước dính mắc mà thôi, tức là chỉ một chữ BUÔNG, hay “trên đầu một chữ Như”.

Như mù như điếc: không còn tương quan, lời chê bai lời đề cao nghe như điếc, vì không còn tương quan nên giống như mù không thấy gì khác nữa hết.

Nước tự mênh mông hoa tự hồng: Kinh Pháp Hoa nói “Chư pháp trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ”. Không còn niệm, không còn quán chiếu, các pháp như các pháp hiện diện, lạ thay! lạ thay! Trở về chỗ thật bình thường của Ngài Triệu Châu “Tâm bình thường là đạo“. Đạo cao siêu hay không cao siêu??? Sao cũng được!

Tranh Số 10

Thỏ tay vào chợ



Âm:

Nhập triều thùy thử

Lộ hung tiên tức nhập triều lai

Phù thổ đồ khôi tiêu mẫn tai

Bất dụng thần tiên chọn bị quyết

Trực giao khô mộc phóng hoa khai.

Nghĩa:

Thông tay vào chợ

Chân trần bày ngực vào chợ thành

Bôi đất trét bùn cười thật xinh

Bị quyết thần tiên cần chi nữa

Cây khô cũng phải nở hoa lành.

Thông tay vào chợ

Kinh Duy Ma nói :

- Trà đình tiêu điểm, tất cả đều là đạo tràng.
- Bồ tát thực hành phi đạo thông suốt tức Phật đạo.

*tức là : Vào nước không quây sóng,
Vào rừng không động lá.*

Kinh Viên Giác nói :

Đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm quặng. Dù trải qua thời gian không cùng tận, tánh vàng vẫn chẳng hoại.

Đây là giai đoạn ly nước đã được lắng trong, phần cặn bẩn cũng đã được gạn bỏ, thì cho dù có lấy tay khuấy động, nước cũng vẫn trong.

*Chúng ta không thua Phật & tánh vàng, nhưng
thua Phật & chỗ chưa lọc, đó là một lẽ thật!*



Đến tranh này gọi là “Nhập ma giới”. Chư Thiên Đứ đến giai đoạn này chúng ta không biết đâu là Tăng đâu là tục, đâu là phạm đâu là Thánh, vì các Ngài không lộ tung tích như là một nhà sư uy nghi tế hạnh, không lộ vẻ gì là tu hành chứng đắc, ngược lại, hành tung các Ngài còn thấp hơn mức bình thường như những chuyện sau đây:

- Thượng tọa Pháp Minh ở chùa Khai Nguyên-Hình Châu, là đệ tử Pháp Báo-Bổn Lan dòng Vân Môn. Sau khi ngộ đạo, Sư trở về quê, thường uống rượu say. Dân trong làng mời Sư thọ trai Sư từ chối, mời Sư uống rượu Sư vui, hơn mười năm như thế. Một hôm Sư bảo chúng trong chùa:

- Sáng mai ta sẽ đi, các ông đừng đi đâu.

Chúng cười thầm, sáng hôm sau, Sư đắp y lên tòa kêu to :

- Ta đi đây! Nghe ta nói kệ.

Chúng chạy ào đến xem, Sư nói :

Bình sanh say sưa té ngã,
 Trong say lại có phân biệt,
 Sáng nay tỉnh rượu đi đâu,
 Bờ dương liễu trắng tàn, gió sáng.

Thông thường chúng ta thấy người say rượu mất tự chủ, mất hết lý trí nói năng sàm gở, và trong say có khi làm những hành động không kiểm soát được; vậy các ngài đã tự chủ trong say như thế nào ? Thừa bởi say thì thuộc về thân vật chất hóa học vật lý, còn “cái kia” thường hằng sáng soi không can hệ gì đến thân, như con ngỗng tinh khôn uống sưa chừa nước.

- Tổ Huệ Khả sau khi truyền pháp cho Tổ Tăng Xán xong, Ngài đến xứ Nghiệp Đô để giáo hóa cho đến hết đời. Ngài thay đổi đạo phục, mặc đồ thế gian, có khi vào quán rượu, có khi vào hàng thịt, có lúc ở giữa đám đông thuyết pháp, có lúc lại làm người khuân vác . . . Bấy giờ cũng có người biết Ngài là tu sĩ, nên nói :

- Thầy là thầy tu tại sao lại làm như thế ?

Ngài đáp:

- Ta tự điều phục tâm ta đâu có liên quan gì đến việc của ông.

Thưa đây là chỗ khác biệt, chỗ siêu xuất của đạo Phật. Mục tiêu cứu cánh của Đạo Phật là giác ngộ và giải thoát thì tụng niệm, lễ nghi, tưởng Phật, lạy Phật có gì tương quan? Thế nhưng, hãy tự biết mình thường xét nét chó bắt chước suông mà chuốc họa ương.

- Ngài Phần Dương-Vô Đức một hôm bảo trong chúng rằng: Đêm qua Ta nằm mơ, thấy cha mẹ về đòi rượu thịt , giấy tiền . . . Vậy hãy thuận theo thế tình nấu dọn cúng các vị. Rồi Ngài sai Tri sự lập một cái bàn, mua rượu thịt giấy tiền . . . Và thắp hương cúng. Cúng xong, Ngài mời hết các vị chức sự và ban lãnh chúng vào dùng đồ cúng. Nhưng tất cả đều từ chối, chỉ có Ngài ngồi vào bàn gấp thịt ăn , uống rượu tự nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Trong đại chúng bắt đầu xôn xao trách rằng: “Ông Thầy uống rượu ăn thịt này, đâu còn đáng làm Thầy gương mẫu cho chúng ta nữa”, bèn bỏ đi hết. Chỉ còn lại sáu người như Từ Minh, Đại Ngu, Tuyên Đại Đạo . . . Qua hôm sau , Ngài mới lên tòa bảo: “Bao nhiêu kẻ nương bóng tựa

gió (bóng quỳ thần) chỉ cần một mâm rượu thịt và hai trăm tiền liền tống đi sạch hết“.

Như câu chuyện trên, chúng ta thật không biết đâu là manh mối! Phải nói là là các Ngài đùa chơi trong sanh tử chứ không phải vừa!

- Tể Điền Hòa Thượng là một nhân vật có thật, truyện của Ngài có ghi trong lịch sử, đó là bộ Nam Tống Nguyên Minh Thiên Lâm Tăng Bảo truyện. Hành tung của Ngài điên điên khùng khùng, không giữ oai nghi, không theo lễ lối, bất tuân qui củ. Ngài chết trong lúc say rượu, ấy vậy mà khi hỏa táng xác Ngài được xá lợi rất nhiều.

Chúng ta tu kỹ hơn nhiều mà chẳng thấy xá lợi đâu? Thế là làm sao để biện biệt thật hư? Rõ là ngàn thánh cũng không biết được các Ngài.

Và trong sử còn rất nhiều những mẫu chuyện như vậy, bấy nhiêu tạm đủ cho chúng ta thấy rồi phải không?

CHÁNH VĂN:

*Một mình khép cánh cửa gỗ,
ngàn thánh cũng không biết.*

*Chôn vùi vẻ sáng sủa của chính mình,
bỏ qua lối mòn của bậc Thánh trước,
mang bầu rượu đi vào chợ,*

*roi gậy trả lại nhà
nơi quán rượu hàng cá,
hóa độ chuyển thành Phật hết.*

LƯỢC GIẢI:

Khi đã được niềm vui bất tận, cần phải nghĩ đến người khác, đó cũng là lẽ đương nhiên; Vào được đất Phật đã là việc phi thường, lại vào cõi ma càng là chuyện không dễ; làm người mẫu mực khuôn thước đã là khó và bỏ đi khuôn vàng thước ngọc ấy càng khó hơn. Tôi nghĩ rằng làm được phải là con người sắt đá.

Một mình khép cánh cửa gỗ: con người sắt đá mới có thể một mình, thông thường chúng ta thích bạn bè chung vui, chia sẻ, thông cảm; nếu chưa can đảm lạnh nhạt với thế tình thì khó thực hiện ý chí của mình.

Cho đến-Ngàn Thánh cũng chẳng biết: Chẳng những bất cận nhân tình xong cũng chẳng màng chư Thánh có hiểu có thông cảm với mình hay không? không phải sắt đá là gì? !

Chôn vùi vẻ sáng sủa của chính mình: nghĩa là dấu kín tác phong đạo đức bề ngoài, và tu tập chứng đắc bên trong, người ngoài nhìn vào chẳng thể đo lường được gì. Như hai vị Hàn Sơn-Thập Đắc ăn mặc rách rưới, chỉ làm việc dưới

bếp và ăn các thứ đồ tháo thừa bỏ trong chùa, mọi người không ai quan tâm và coi thường, đến khi bị phát hiện do ông quan trong vùng trong chiêm bao được thần mách bảo, ông tìm đến chùa Quốc Thanh đánh lễ, hai vị liền biến mất, chỉ tìm thấy còn lại những bài thi kệ.

Bỏ qua lối mòn của bậc Thánh trước: Các Ngài vào quán rượu vào hàng thịt, nên nói bỏ qua nề nếp của bậc Thánh, bỏ hình thức bên ngoài như Ngài Huệ Khả nói: “Ta tự điều phục tâm ta, có liên quan gì việc bên ngoài?”.

Mang bầu rượu đi vào chợ, nơi quán rượu hàng cá, hóa độ chuyển thành Phật hết: Còn gọi là: “Hòa quang đồng trần“, ánh sáng hòa với bụi bặm, ánh sáng vẫn không nhiễm dính, đó là tinh thần của bậc đạt đạo vào ma giới.

TỤNG RẰNG:

Chân trần bày ngực vào chợ thành

Bôi đất trét bùn cười thật xinh

Bị quyết thân tiên cần chi nữa

Cây khô cũng khiến nở hoa lành.

LƯỢC GIẢI:

Khi đã thấu tột lý thiên thì siêu vượt cả hình thức tôn

giáo, vượt cả tư cách thông thường của con người, giống như chim bay trong hư không, qua rồi không để lại dấu vết.

Chân trần bày ngực, không còn ai biết để tôn vinh Hòa Thượng, Thượng Tọa hay Đại Đức gì nữa, chúng ta thì không như vậy, bị gọi nhầm chức vụ chúng ta cũng không hài lòng hay không được giới thiệu trang trọng địa vị mình, mình cũng nổi giận, nếu là Thánh nhân thì ẩn dật, chính vì biết ẩn dấu không phô trương bản ngã mới được gọi là Thánh. Vậy thì Phạm và Thánh chúng ta không để làm lần nữa rồi phải không?

Bôi đất trét bùn, hình dáng thì lem luốc, nhưng nụ cười an lành giải thoát; còn sắc đẹp và hương thơm bề ngoài của phạm phu thấy hào nhoáng, nhưng bên trong lại tối đen nên cười không nổi.

Bí quyết thần tiên với các Ngài chẳng đáng vào đâu, tâm trong sáng tự tại chính là bí quyết là yếu thuật còn gì bằng còn gì hơn. Thế nên biết, người còn chuộng thần thông biến hóa tức biết phạm phu chính hiệu.

Sống tự tại như vậy rồi thì cây khô cũng phải nở hoa.

Tóm lại, vào được Phật giới rồi hãy vào ma giới, chó vọi vàng nông nổi, hiểu và hành chưa tới nơi, chúng ta hãy cố gắng thật chính xác, không để làm lần, nhưng bàn luận cho lắm thì cũng chỉ là tâm, rõ được thì dễ, không rõ thì ngàn đời cách xa, chúng ta cứ làm không kể thời gian và công sức, mọi việc sẽ thành thoi.

TỔNG KẾT

Đức Phật Thích Ca do tu thiền và thành đạo dưới cội Bồ đề, đã trì chú gì? tụng kinh gì? niệm Phật nào? hay là chỉ do Thiền định thanh lọc tâm ý và phát sanh trí tuệ ! Như vậy nếu muốn giác ngộ thành Phật tại sao chúng ta không như vậy mà thực hành mới gọi là đệ tử Phật được chứ!

Kinh Lăng Nghiêm đoạn Ngài Anan bạch Phật: “Con với Thế Tôn là anh em ruột thịt, con nghĩ Thế Tôn sẽ ban cho chánh định . . . Thế Tôn bảo: Này Anan! như người này ăn người khác có no hay không?“ . . . Thế đấy, đọc trong các kinh chẳng thấy nơi nào Phật hứa niệm danh hiệu Phật, lay Phật, sùng bái Phật . . . Phật sẽ ban cho thế này thế nọ, ấy thế mà người tu tập hiện nay chỉ thích xin Phật ban cho, mà không thấy việc ấy phải tự chính mình làm nên! Người nào làm là của người đó chứ không thể thay nhau.

Thế thì, tranh chẵn trâu là một lối sáng tạo của chư Thiên Sư để diễn tả tiến trình thanh lọc tâm, thật cụ thể tượng trưng bằng hình ảnh chú mục đồng và con trâu. Bắt đầu là hình ảnh đi tìm trong tâm trạng hụt hẫng chói với, cho đến khi thấy dấu, lần lượt thấy trâu gọi là đã dự phần chánh kiến, huân tập thuần thực chín mùi đến lúc hoàn toàn trong lặng, vào Phật giới vào ma giới hoàn tất phương trình tu tập.

Tranh chẵn trâu như một biểu đồ, báo cho chúng ta biết trước, nơi sẽ đi qua và nơi sẽ đến. Nơi ta đến, dù có xa

diệu vợi nhưng nếu có lòng tin chắc thì có lúc sẽ tới đích, ngược lại, cho dù thật gần mà không nắm rõ bản đồ, thì thật mộng lung mơ màng, không biết bao giờ mới đạt mục tiêu. Vì thế vấn đề không phải là gần hay xa, mà chính là chúng ta phải nắm thật rõ ràng, thì mỗi bước đi là mỗi niềm vui, là mỗi niềm hạnh phúc vô biên.

Kinh Viên Giác Phật nói: “Chúng sanh hằng ở trong viên giác“. Kinh Lăng Nghiêm cũng vậy: “Chúng sanh hằng ngày ở trong Niết bàn mà không tự thấy biết“. Thế nên, Tôi nguyện đi trong trần lao làm người bạn đồng hành để thức tỉnh cho nhau, đang là phàm phu chúng ta đã không dám hưởng riêng mình, vô lễ sau một thời gian tu tập nguyện về cực lạc an hưởng Niết Bàn, nhưng dù sao, tất cả đều là giấc mộng đêm qua! Trần gian nếu là huyền mộng thì Niết bàn cũng chỉ chiêm bao, thế nên nói “có công mà không cho hưởng là vậy”. Bởi cái phần bất sanh diệt là cái sẵn có, thường hằng bất hoại, chỉ đừng xao lãng, thế nhập vào cái ấy thì đỡ tốn công biết ngần nào.

Cuối cùng thì, Phật pháp không nhiều, không có Phật pháp để hiểu, chỉ sạch hết tâm phàm, không có gì khác hơn, vậy thì nhàn hạ quá, đâu cần bày vẽ nhiều điều phiền toái, chúng ta nghe nào sơ thiền, tứ thiền; nào tam hiền Thập Thánh, đăng giác diệu giác, kỳ thật chỉ một chữ tỉnh sáng mà thôi.

Nhưng dù sao đi nữa:

“Nếu chẳng biết bản lai vô nhất vật
Công phu luống uổng một đời“ .



MỤC LỤC

Phần Giới Thiệu.....	1
Lời Ngỏ.....	3
Tác Giả.....	5
Tác Phẩm.....	7
Chưa Chăn.....	10
Khái Quát Toàn Tác Phẩm.....	13
Phần Nội Dung.....	19
Tìm trâu.....	20
Thấy dấu.....	32
Thấy trâu.....	42
Được trâu.....	54
Chăn Trâu.....	66
Cỡi trâu về nhà.....	80
Quên trâu còn người.....	92
Người trâu đều quên.....	102
Trở về nguồn cội.....	112
Thống tay vào chợ.....	120

Tranh Số 10 – *Thông tay vào chợ*



*Trong ngôi Phật Pháp mời chằng ở
Đem về như trước ngừ bờ lau.*

- Trần Thái Tông -